

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN HỮU HOÀI BẢO

**CÁC BIỆN PHÁP HÀNH CHÍNH
PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
TỪ THỰC TIỄN TỈNH QUẢNG NAM**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI, năm 2017

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN HỮU HOÀI BẢO

**CÁC BIỆN PHÁP HÀNH CHÍNH
PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
TỪ THỰC TIỄN TỈNH QUẢNG NAM**

Chuyên ngành: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính

Mã số: 60.38.01.02

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
PGS.TS LƯƠNG THANH CƯỜNG**

HÀ NỘI, năm 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi tên là Nguyễn Hữu Hoài Bảo, học viên lớp Thạc sỹ Luật khóa VI, Niên khóa 2015-2017 tại Học viện khoa học xã hội, cơ sở tại Đà Nẵng.

Qua 2 năm học tập và nghiên cứu tại Học viện và được PGS.TS Lương Thanh Cường hướng dẫn khoa học, Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu do tôi thực hiện, các số liệu, kết quả thể hiện trong luận văn là trung thực và có trích dẫn nguồn gốc rõ ràng; nội dung luận văn không trùng lặp với các công trình nghiên cứu có liên quan đã được công bố.

Học viên

Nguyễn Hữu Hoài Bảo

LỜI CẢM ƠN

Qua 2 năm học tập và nghiên cứu tại học viện Khoa học xã hội, được PGS.TS Lương Thanh Cường hướng dẫn khoa học, Tôi đã nỗ lực để hoàn thành công trình nghiên cứu ***“Các biện pháp hành chính phòng, chống tham nhũng từ thực tiễn tỉnh Quảng Nam”***.

Trước hết, Tôi xin chân thành cảm ơn Lãnh đạo Học viện Khoa học xã hội, Phòng Đào tạo, Văn phòng Khoa Luật, Cơ sở học viện Khoa học xã hội tại Thành phố Đà Nẵng đã tạo điều kiện thuận lợi hỗ trợ tích cực cho chúng tôi trong quá trình học tập và nghiên cứu, cung cấp cho chúng tôi hệ thống kiến thức và nhiều kinh nghiệm bổ ích.

Tôi xin chân thành cảm ơn các đồng chí lãnh đạo, các bạn bè, đồng nghiệp đã hỗ trợ, tạo điều kiện, giúp đỡ tôi trong quá trình học tập và hoàn thành luận văn của mình.

Học viên

Nguyễn Hữu Hoài Bảo

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN VỀ CÁC BIỆN PHÁP HÀNH CHÍNH PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG	6
1.1. Khái quát chung về tham nhũng và phòng, chống tham nhũng.....	6
1.2. Các biện pháp hành chính phòng, chống tham nhũng	14
1.3. Các điều kiện bảo đảm thực hiện biện pháp hành chính phòng, chống tham nhũng.....	33
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG BIỆN PHÁP HÀNH CHÍNH PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TẠI TỈNH QUẢNG NAM	38
2.1. Đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội tỉnh Quảng Nam tác động đến biện pháp hành chính phòng, chống tham nhũng	38
2.2. Thực trạng tình hình phòng, chống tham nhũng và phòng, chống tham nhũng bằng các biện pháp hành chính tại tỉnh Quảng Nam	40
2.3. Nhận xét chung về các biện pháp hành chính Phòng, chống tham nhũng tại tỉnh Quảng Nam	57
CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM BIỆN PHÁP HÀNH CHÍNH PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TỪ THỰC TIỄN TỈNH QUẢNG NAM .	64
3.1. Giải pháp chung bảo đảm biện pháp hành chính phòng, chống tham nhũng từ thực tiễn tỉnh Quảng Nam.....	64
3.2. Các giải pháp riêng bảo đảm biện pháp hành chính phòng, chống tham nhũng đối với tỉnh Quảng Nam.....	78
KẾT LUẬN	80
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

1. CB,CC,VC: Cán bộ, công chức, viên chức
2. HĐND: Hội đồng nhân dân
3. Luật PCTN: Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2012
4. PCTN: Phòng, chống tham nhũng
5. TTHC: Thủ tục hành chính
6. UBND: Ủy ban nhân dân
7. UBMTTQVN: Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Tham nhũng là một hiện tượng có tính lịch sử, đang là vấn đề nhức nhối không chỉ ở các nước có tỷ lệ tham nhũng cao mà còn là vấn nạn của tất cả các nước trên thế giới. Theo Thống kê của Tổ chức minh bạch quốc tế năm 2015 (Transparency International), Việt Nam xếp hạng 112 trong số 167 nước được điều tra về tham nhũng [51] - một con số đáng để những lãnh đạo của đất nước phải quan tâm và suy ngẫm. Tham nhũng ở nước ta ngày càng tinh vi, khó phát hiện do các đối tượng tham nhũng thường có chức vụ, quyền hạn, có trình độ hiểu biết pháp luật, quan hệ rộng, liên kết với nhau thành các nhóm lợi ích. Tội phạm kinh tế, tham nhũng trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, tín dụng, chứng khoán tiếp tục diễn biến phức tạp, gây thất thoát lớn tài sản của Nhà nước. Thiệt hại do tham nhũng gây ra đối với ngân sách nhà nước, tài sản của nhân dân, doanh nghiệp rất lớn nhưng giá trị tài sản thu hồi thấp. Tham nhũng làm thay đổi mọi lãnh vực trong xã hội như kinh tế, luật pháp quốc gia, dân chủ, luân lý, giáo dục... Những tổn thất do tham nhũng gây nên thật khó đo lường cho hết. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nhận định: *“Tham nhũng là kẻ thù nguy hiểm của nhân dân, của bộ đội và của chính phủ vì nó không mang gươm mang súng mà nó nằm trong các tổ chức của ta để làm hỏng ta. Nó làm hỏng tinh thần trong sạch và ý chí khắc khổ của cán bộ ta. Nó phá hoại đạo đức cách mạng ta là cần- kiệm - liêm - chính”*. Tham nhũng còn gây ra tác hại làm giảm sút lòng tin của công dân đối với bộ máy và công chức, viên chức Nhà nước, triệt tiêu động lực cơ bản nhất của sự phát triển. Điều này đã được V.I. Lênin khuyến cáo: *“Nếu có cái gì đó có thể triệt tiêu được chủ nghĩa xã hội thì đó chính là tham nhũng, quan liêu”*. Đây cũng là bài học mà ông cha ta đã truyền lại cho con cháu. Trần Quốc Tuấn đã từng nói: *“để dân khinh là mất nước”*.

Chính vì những lý do đó, công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN) đã trở thành một yêu cầu bức xúc của toàn xã hội, đòi hỏi phải phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị. Ngay từ Hội nghị toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII

và các lần Đại hội Đảng sau này, Đảng ta đã chỉ ra tham nhũng là một trong bốn nguy cơ dẫn đến sự tồn vong của chế độ, làm tụt hậu xa hơn về kinh tế. Đảng và Nhà nước đã đề ra nhiều biện pháp bằng nhiều hình thức khác nhau nhằm phòng ngừa và xử lý tình trạng tham nhũng; tuy nhiên, trong thời gian gần đây, tình hình tham nhũng vẫn còn phức tạp, tồn tại ở nhiều cấp, nhiều ngành và chưa được đẩy lùi, nhưng công tác đấu tranh phát hiện tham nhũng lại giảm dần qua các năm [47], điều này chỉ ra một thực tế rằng công tác phòng ngừa, đấu tranh với vấn nạn tham nhũng vẫn còn những hạn chế, việc sử dụng các biện pháp nhằm ngăn chặn tình trạng tham nhũng vẫn chưa hiệu quả, mà cụ thể là việc sử dụng các biện pháp hành chính nhằm phòng ngừa tham nhũng vẫn chưa được các cơ quan quản lý hành chính Nhà nước nhận thức và áp dụng một cách đồng bộ, khả thi, thiết thực trên thực tế. Việc áp dụng các biện pháp hành chính nặng về hình thức, văn bản, chế tài không đủ mạnh nên chưa có tác dụng rõ rệt, thậm chí mờ nhạt so với các biện pháp khác như dân sự, hình sự.

Đối với tỉnh Quảng Nam – một địa phương còn nhiều khó khăn, được xem là một tỉnh nghèo của đất nước, nguồn thu eo hẹp, đời sống kinh tế - xã hội của nhân dân còn nhiều khó khăn, chủ yếu còn dựa vào phân bổ ngân sách của Trung ương, cũng giống như mặt bằng chung của đất nước, tình trạng tham nhũng vẫn còn những phức tạp, công tác PCTN bằng các biện pháp hành chính tuy có những bước chuyển biến nhưng chưa thật rõ nét; vì vậy, nghiên cứu đề tài “*Các biện pháp hành chính phòng, chống tham nhũng từ thực tiễn tỉnh Quảng Nam*” mang tính cấp thiết.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong khoa học pháp lý, đã có một số tác giả thực hiện đề tài có liên quan đến PCTN dưới nhiều cấp độ, từ luận án tiến sĩ đến luận văn thạc sĩ luật học. Nhiều công trình khoa học đã đề cập đến thực trạng tham nhũng, các giải pháp PCTN, việc thực hiện pháp luật về PCTN và các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác PCTN. Có thể kể đến một số công trình sau:

2.1 Các luận án Tiến sĩ Luật học: “*Tình hình, nguyên nhân và các và các biện pháp đấu tranh phòng, chống các tội tham nhũng*” của Nghiên cứu sinh Trần Công

Phàn; *“Tham nhũng trong Chính Phủ Việt Nam: biểu hiện và cách khắc phục”* của Nghiên cứu sinh Lê Trung Kiên; *“Hoạt động của Viện Kiểm sát nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tội phạm về tham nhũng ở Việt Nam”* của Nghiên cứu sinh Nguyễn Hải Phong...

2.2 Luận văn Thạc sỹ Luật học *“Tổ chức và hoạt động của cơ quan PCTN ở Việt Nam”* của tác giả Ngô Kiều Dâng, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2014. Luận văn đã nghiên cứu tổng quan mô hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan PCTN ở Việt Nam, chỉ ra những hạn chế còn tồn tại, từ đó chỉ ra phương hướng, giải pháp hoàn thiện tổ chức và hoạt động nhằm nâng cao năng lực hiệu quả hoạt động của các cơ quan trong PCTN.

2.3 Luận văn Thạc sỹ Luật học *“PCTN từ phương diện giáo dục pháp luật đối với cán bộ, công chức bộ máy hành chính nhà nước”*, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2014. Luận văn đã chỉ rõ tầm quan trọng của công tác giáo dục pháp luật về PCTN đối với cán bộ, công chức trong bộ máy hành chính, phương hướng khắc phục những hạn chế và hoàn thiện chế định này trong tương lai.

Những đề tài được đề cập trên đây là nguồn tư liệu hết sức quý báu, góp phần đóng góp thêm lý luận và thực tiễn vào công tác PCTN; bên cạnh đó còn nhiều quan điểm, ý kiến của các học giả được đăng lên các báo, tạp chí, trang web chính thống... tuy nhiên đến nay vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên sâu, có hệ thống về các biện pháp hành chính để PCTN từ thực tiễn tỉnh Quảng Nam.

3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu của luận văn là nghiên cứu một cách toàn diện, có hệ thống những vấn đề lý luận và thực tiễn về các biện pháp hành chính PCTN từ thực tiễn tỉnh Quảng Nam; trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác PCTN bằng các biện pháp hành chính, góp phần đấu tranh với vấn nạn tham nhũng đang ngày càng trở nên nghiêm trọng và phức tạp hiện nay.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Hệ thống hóa, phân tích, làm rõ thêm cơ sở lý luận, pháp lý và cơ sở thực tiễn

các biện pháp hành chính PCTN.

Phân tích, đánh giá thực trạng áp dụng và hiệu quả của các biện pháp hành chính trong công tác PCTN ở Quảng Nam; tìm ra được những ưu điểm, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, bất cập và nguyên nhân của những hạn chế, khó khăn, vướng mắc đó.

Đề xuất các quan điểm, giải pháp đổi mới nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng các biện pháp hành chính PCTN tại thực tiễn tỉnh Quảng Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

PCTN là một lĩnh vực có phạm vi nghiên cứu tương đối rộng, song dưới góc độ lý luận và pháp lý, luận văn chủ yếu tập trung nghiên cứu các biện pháp hành chính trong công tác PCTN; đánh giá thực trạng áp dụng và hiệu quả áp dụng các biện pháp hành chính trong công tác PCTN từ năm 2005 đến nay (10 năm Luật PCTN có hiệu lực thi hành từ ngày 01/6/2006); yêu cầu khách quan, chủ quan của địa phương; đề ra các kiến nghị, đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả công tác PCTN bằng các biện pháp hành chính.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Về không gian: Trong phạm vi địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Về thời gian: Từ năm 2005 đến năm 2015.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận văn nghiên cứu dựa trên phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, duy vật lịch sử.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn được thực hiện dựa trên các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: phân tích – tổng hợp; thống kê, so sánh. Cụ thể:

Chương 1: Sử dụng phương pháp nghiên cứu phân tích – tổng hợp để làm rõ nội hàm các khái niệm, nội dung của đề tài.

Chương 2: Sử dụng phương pháp nghiên cứu thống kê nhằm phân tích thực tế

phòng, chống tham nhũng bằng các biện pháp hành chính tại địa bàn tỉnh Quảng Nam, đồng thời sử dụng phương pháp nghiên cứu so sánh để thể hiện tính hiệu quả của các biện pháp này từ lý luận đến thực tiễn.

Chương 3: Sử dụng phương pháp phân tích để đề xuất những kiến nghị nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng của các biện pháp phòng, chống tham nhũng bằng các biện pháp hành chính trong pháp luật thực định nói chung và thực tiễn địa bàn tỉnh Quảng Nam nói riêng.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận văn góp phần bổ sung, làm rõ thêm lý luận về PCTN nói chung, các biện pháp hành chính PCTN nói riêng.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận văn này đưa ra một số kiến nghị, giải pháp nhằm góp phần đổi mới, nâng cao hiệu quả áp dụng các biện pháp hành chính đối với công tác PCTN tại địa bàn tỉnh Quảng Nam trong thời gian tới và đóng góp thêm một tài liệu nghiên cứu cho hoạt động nghiên cứu khoa học về luật học nói chung và chuyên ngành luật hành chính nói riêng.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài mục lục, mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của Luận văn gồm 3 chương như sau:

Chương 1: Lý luận về các biện pháp hành chính PCTN

Chương 2: Thực trạng biện pháp hành chính PCTN tại tỉnh Quảng Nam

Chương 3: Giải pháp bảo đảm biện pháp hành chính PCTN từ thực tiễn tỉnh Quảng Nam.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN VỀ CÁC BIỆN PHÁP HÀNH CHÍNH PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1.1. Khái quát chung về tham nhũng và phòng, chống tham nhũng

1.1.1. Quan niệm về tham nhũng

1.1.1.1. Khái niệm tham nhũng

Theo Từ điển Tiếng Việt, *tham nhũng là lợi dụng quyền hành để những nhiều nhân dân lấy của..* Tài liệu hướng dẫn của Liên hiệp quốc về cuộc đấu tranh quốc tế chống tham nhũng (năm 1969) định nghĩa tham nhũng là *sự lợi dụng quyền lực nhà nước để trục lợi riêng*. Tổ chức Minh bạch quốc tế lại cho rằng tham nhũng là *lạm dụng quyền lực được giao phó cho mục đích cá nhân [53]*. Tuy nhiên, trong khoa học pháp lý, những định nghĩa này quá đơn giản và chung chung, chưa phản ánh hết các dấu hiệu đặc trưng của tham nhũng. Vì tham nhũng không chỉ xảy ra bằng việc gây khó dễ, đối tượng chịu tác động không chỉ là nhân dân, tham nhũng có thể diễn ra dưới nhiều hình thức và trong nhiều hoạt động, lĩnh vực như kinh tế, chính trị, hành chính, giáo dục... Bên cạnh đó, đối tượng mà chủ thể tham nhũng hướng tới không đơn giản chỉ là lợi ích của cải vật chất mà đó có thể là lời hứa hẹn về sự thăng tiến trong công việc, một sự bảo đảm nếu hành vi tham nhũng đó bị phát giác...

Theo World Bank [48], tham nhũng có thể được xác định là những hành vi liên quan liên quan đến việc chào mời, cho, hoặc nhận gạ gẫm một thứ gì đó có giá trị nhằm tác động tới hành động của một công chức nhà nước trong quá trình mua sắm hoặc soạn thảo hợp đồng, hoạt động mua sắm sai nguyên tắc... định nghĩa này chủ yếu được tiếp cận dưới góc độ tài chính như chỉ tập trung vào những vấn đề có liên quan nhiều nhất tới các chính sách và quy trình của tổ chức tài chính này như các khoản vay, đấu thầu, mua sắm... mà không có một cái nhìn bao quát toàn diện trên các khía cạnh khác như khía cạnh văn hóa chính trị tham nhũng. Do đó đã làm thu hẹp đi ngoại diên của định nghĩa về tham nhũng. Bởi vì tham nhũng có thể xảy

ra ở bất cứ lĩnh vực nào, không phân biệt cấu trúc chính trị hay trình độ kinh tế - xã hội của một nước.

Đối với pháp luật Việt Nam, đặc biệt là Luật PCTN 2005 (*đã được sửa đổi vào năm 2007, 2012*), ngay tại Điều 1 đã định nghĩa: “*tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi*”. Về khái niệm, người có chức vụ, quyền hạn, ngay trong Luật này, tại khoản 3, điều 1 cũng đã có sự giải thích bằng phương pháp liệt kê. Tuy nhiên, có thể khẳng định rằng, phương pháp liệt kê thường được sử dụng đối với những định nghĩa có ngoại diên hẹp vì sẽ giúp bao hàm được tất cả những thành tố phụ thuộc định nghĩa đó. Đối với khái niệm “*người có chức vụ, quyền hạn*”, đây là một khái niệm không dễ dàng hiểu rõ và tường tận, vì thế, nếu sử dụng định nghĩa liệt kê ở đây sẽ khó bao quát được tất cả các yếu tố thuộc ngoại diên của khái niệm này. Nhất là khi khái niệm này lại được dùng trong định nghĩa “*tham nhũng*”, một định nghĩa còn nhiều tranh cãi. Nên chăng dùng phương pháp diễn giải sẽ hợp lý và toàn diện hơn?

Bên cạnh đó, nếu người có chức vụ, quyền hạn lạm dụng chứ không lợi dụng chức vụ quyền hạn thì có cấu thành tội tham nhũng không? Bởi vì khái niệm và hành vi của hai khái niệm “*lạm dụng*” và “*lợi dụng*” không hoàn toàn giống nhau. Theo định nghĩa của Từ điển pháp luật Hình sự: “*Lạm quyền trong khi thi hành công vụ là hành vi vượt quá quyền hạn làm trái công vụ được giao của người có chức vụ, quyền hạn. Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ là trường hợp đặc biệt của tội lợi dụng chức vụ và quyền hạn. Xét về bản chất, lạm quyền cũng là lợi dụng chức vụ, quyền hạn nhưng có điểm khác là chủ thể đã vượt quá quyền hạn của mình, hoặc nói cách khác, chủ thể đã thực hiện việc làm không thuộc thẩm quyền, và nội dung việc làm đó là sai*” [21]. Từ đó có thể đưa ra nhận xét: trong trường hợp lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nội dung việc làm của chủ thể là sai nhưng việc làm đó thuộc phạm vi và chức trách của chủ thể. Do đó, có thể thấy rằng trường hợp lạm dụng quyền hạn sẽ có tính nguy hiểm cao hơn.

Từ những luận cứ và phân tích trên đây, có thể đưa ra khái niệm chung về tham nhũng như sau: “*Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ và quyền hạn*

theo quy định của pháp luật đã lợi dụng hoặc lạm dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi, nhằm đạt được những lợi ích vật chất, tinh thần hay những lợi ích khác, cho bản thân hay cho người khác”.

1.1.1.2. Nguyên nhân, tác hại của tham nhũng

a. Nguyên nhân của tham nhũng

Những năm qua cuộc đấu tranh tham nhũng của Đảng và Nhân dân ta diễn ra rất quyết liệt và đã thu được kết quả bước đầu song đến nay có thể nói nạn tham nhũng vẫn chưa được đẩy lùi một cách cơ bản. Tình hình vẫn diễn ra phức tạp, có nơi có chiều hướng gia tăng với những thủ đoạn hết sức tinh vi, có trường hợp câu kết, móc nối ngang dọc giữa các phần tử thoái hoá biến chất trong các cơ quan Nhà nước và ngoài xã hội, rất khó phát hiện làm cho cuộc đấu tranh chống tham nhũng hết sức khó khăn. Tham nhũng có thể xuất phát từ các nguyên nhân:

Thứ nhất, hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách ở nước ta còn nhiều kẽ hở.

Thứ hai, do những sai lầm, khuyết điểm trong hoạt động của một số cơ quan Đảng và Nhà nước.

Thứ ba, những yếu kém trong công tác tổ chức cán bộ do sự buông lỏng, yếu kém trong quản lý Nhà nước.

b. Tác hại của tham nhũng

Một là, tác hại về chính trị

Tham nhũng là trở lực lớn đối với quá trình đổi mới đất nước và làm xói mòn lòng tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng và nhà nước, đối với sự nghiệp xây dựng đất nước, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Công cuộc đổi mới đất nước một cách toàn diện đã mang đến cho đất nước ta thế và lực mới. Những điều chỉnh đúng đắn về chiến lược và sách lược đã phát huy tác dụng và tạo đà cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, tình trạng tham nhũng lại là một trở lực lớn đối với quá trình này. Quan điểm và tư duy đổi mới cùng với cơ chế, pháp luật đúng đắn, phù hợp đã bị tệ tham nhũng làm cho méo mó. Đối tượng tham nhũng đã lợi dụng sự thông thoáng của cơ chế, chính sách để thực hiện hành vi tham nhũng. Kẻ tham nhũng lợi dụng yêu cầu tăng cường kiểm tra, giám sát và các biện pháp khác để dọa dẫm, đòi hỏi lộ

của đối tượng bị thanh tra, kiểm tra. Cơ chế, chính sách trở thành công cụ để thực hiện những lợi ích cá nhân.

Hai là, tác hại về mặt kinh tế

Tham nhũng gây tổn hại to lớn về mặt kinh tế cho sự phát triển xã hội kéo lùi sự phát triển tùy theo quy mô và mức độ gây hại của nó. Ở nước ta, trong thời gian qua, nạn tham nhũng diễn ra trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, gây thiệt hại lớn đến tài sản của Nhà nước, tiền của, thời gian, công sức của nhân dân. Hàng loạt vụ tham nhũng lớn, nghiêm trọng đã bị phát hiện như: vụ Dệt Nam Định, vụ Tamexco, vụ EPCO Minh Phụng, vụ Mường Tè, vụ Lã Thị Kim Oanh, vụ việc ăn hối lộ trong đường dây chạy Quota dệt may, vụ điện kế điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh... giá trị tài sản bị thiệt hại, bị thất thoát liên quan tới tham nhũng của mỗi vụ lên tới hàng chục, hàng trăm, thậm chí là hàng ngàn tỉ đồng. Đó là những con số lớn và đáng lo ngại so với số thu ngân sách hằng năm của nước ta. Trong điều kiện một nước đang phát triển, mọi nguồn lực cần phải huy động tối đa cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đồng thời phải nỗ lực cho việc xóa đói, giảm nghèo và thực hiện các chính sách xã hội khác thì việc lãng phí, thất thoát tài sản, tiền của, thời gian, công sức do tham nhũng cần được coi là tội ác phải đấu tranh và xử lý mạnh mẽ [57].

Ba là, tác hại về xã hội

Tham nhũng xâm phạm, thậm chí làm thay đổi, đảo lộn những chuẩn mực đạo đức xã hội, tha hóa đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước. Trước những lợi ích bất chính đã hoặc sẽ có được khi thực hiện hành vi tham nhũng, nhiều cán bộ, công chức đã không giữ được phẩm chất đạo đức của người cán bộ cách mạng. Cán bộ, công chức khi thực hiện hành vi tham nhũng đã không còn làm việc vì mục đích phục vụ sự nghiệp cách mạng, phục vụ nhân dân mà hướng tới việc thu được các lợi ích bất chính, bất chấp việc vi phạm pháp luật, làm trái công vụ, trái lương tâm, đạo đức nghề nghiệp. Điều đáng báo động là một số cán bộ, công chức coi việc tham nhũng trở thành bình thường. Đó chính là biểu hiện của sự suy thoái, xuống cấp về đạo đức một cách nghiêm trọng. Sự suy thoái về tư tưởng chính trị, phẩm chất, đạo

đức, lối sống thể hiện trước hết ở tư tưởng hưởng thụ, quá coi trọng đồng tiền, tư tưởng vụ lợi, làm giàu bất chính... Những tư tưởng này đang làm suy thoái một bộ phận cán bộ có chức, có quyền. Xuất phát từ những tâm lí này mà một số cán bộ, đảng viên đã lợi dụng công việc, nhiệm vụ, quyền hạn được giao để đòi hỏi lộ, tham ô tài sản. Đặc biệt là những cán bộ công tác trong các lĩnh vực tài chính, tiền tệ, cấp phát vốn, thanh tra, kiểm toán cũng như các lĩnh vực có liên quan đến nguồn vốn ngân sách hay vốn tài trợ, vốn vay ưu đãi...

Như vậy tác hại của tham nhũng là vô cùng lớn và đặc biệt nguy hiểm đối với tất cả các quốc gia. Tham nhũng đã trở thành “quốc tế nạn” là một trong những vấn đề toàn cầu mà tất cả các quốc gia đều có trách nhiệm cùng tham gia giải quyết.

1.1.2. Phòng, chống tham nhũng

1.1.2.1. Quan niệm về phòng, chống tham nhũng

Với đặc thù về mặt chính trị ở Việt Nam, quan niệm về PCTN luôn gắn chặt với những tư tưởng, chủ trương, chính sách của Đảng. Nghị quyết số 14-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 15-5-1996 nêu rõ: “*Đấu tranh chống tham nhũng là một bộ phận cấu thành quan trọng trong toàn bộ sự nghiệp đấu tranh cách mạng của Đảng và nhân dân ta hiện nay*”. Thiết thực hơn, Hội nghị Trung ương 3 khóa X ban hành Nghị quyết về “*Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN, lãng phí*”, xác định rõ mục tiêu của công tác PCTN, lãng phí là ngăn chặn, từng bước đẩy lùi tham nhũng, lãng phí; tạo bước chuyển biến rõ rệt để giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội; củng cố lòng tin của nhân dân; xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh; đội ngũ cán bộ, công chức kỷ cương, liêm chính.

Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về các văn kiện Đại hội XII của Đảng đã xác định: “*Đẩy mạnh đấu tranh PCTN, lãng phí là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng, đồng thời là nhiệm vụ khó khăn, phức tạp, lâu dài. Các cấp ủy Đảng, trước hết là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền và toàn bộ hệ thống chính trị phải kiên quyết PCTN, lãng phí; chủ động phòng ngừa, không để xảy ra tham nhũng, lãng phí; xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi tham nhũng, lãng phí, bao che, dung túng, tiếp tay cho các hành vi tham nhũng, lãng phí, can thiệp,*

ngăn cản việc chống tham nhũng, lãng phí".

Như vậy có thể khẳng định PCTN là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu và là quyết tâm rất lớn của cả hệ thống chính trị trong điều kiện và hoàn cảnh hiện nay.

1.1.2.2. Các loại biện pháp phòng, chống tham nhũng

Tại Việt Nam, do những điều kiện về chính trị, kinh tế, xã hội,... có điểm khác biệt so với các nước trên thế giới cho nên muốn phòng chống tham nhũng ở Việt Nam cũng cần có những giải pháp riêng để cải thiện tình hình, ngăn chặn những ảnh hưởng mà tham nhũng gây ra.

Qua phân tích một số nguyên nhân dẫn đến tình trạng tham nhũng, đồng thời nếu xét về đối tượng, thủ đoạn của hành vi tham nhũng, rõ ràng là nếu PCTN bằng các biện pháp đơn lẻ thì ắt hẳn sẽ không hiệu quả. Nghị quyết số 14-NQ/TW, ngày 15/5/1996 của Bộ Chính trị đã khẳng định: công cuộc PCTN đòi hỏi phải có sự kết hợp thống nhất, thực hiện đồng bộ giữa những biện pháp mang tính cấp bách với những giải pháp mang tính chiến lược; giữa những biện pháp mang tính trừng trị với những biện pháp mang tính ngăn ngừa trong sự huy động và phối hợp chặt chẽ mọi lực lượng đấu tranh chống tham nhũng; lấy phòng ngừa làm trọng tâm, trọng điểm, trong đó lấy giáo dục làm cơ sở, lấy pháp chế làm đảm bảo kết hợp nhiều biện pháp khác như biện pháp dân sự, hình sự...

Đồng quan điểm với các tổ chức quốc tế và các quốc gia trên thế giới, các giải pháp phòng ngừa tham nhũng luôn được chú trọng hơn cả vì tính tiết kiệm và hiệu quả nhất. Phòng ngừa tham nhũng có thể được thực hiện bằng nhiều cách thức, song tựu trung đều nhằm vào một mục tiêu cơ bản là làm cho mọi chủ thể trong xã hội, đặc biệt là những người thực thi quyền lực công *không thể tham nhũng, không dám tham nhũng và không cần tham nhũng*. Để đạt được những mục tiêu này, những cách thức được sử dụng phổ biến nhất là:

(i) Chú trọng giáo dục về PCTN, trong đó đặc biệt là giáo dục đạo đức cho công chức.

(ii) Hoàn thiện hệ thống pháp luật về PCTN.

(iii) Thực hiện công khai, minh bạch, phân cấp và kiểm soát lẫn nhau trong

hoạt động của các cơ quan nhà nước.

- (iv) Phòng ngừa sự xung đột giữa lợi ích chung và lợi ích riêng.
- (v) Xây dựng và thực hiện các cơ chế kiểm soát thu nhập của công chức.
- (vi) Xây dựng và thực hiện các cơ chế kiểm tra, kiểm toán, thanh tra.
- (vii) Trả lương thích đáng cho công chức
- (viii) Xây dựng hệ thống các cơ quan chuyên trách PCTN [20, tr.69].

1.1.2.3. Vai trò của phòng, chống tham nhũng

Thứ nhất, PCTN góp phần bảo vệ chế độ, xây dựng Nhà nước pháp quyền

Hoạt động PCTN luôn được Đảng và Nhà nước ta quan tâm đặc biệt. Trong những năm gần đây, hoạt động PCTN ở Việt Nam đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, tuy nhiên kết quả của hoạt động này vẫn chưa được như mong muốn. Tham nhũng vẫn được coi là “quốc nạn” của đất nước, là một trong những nguy cơ đe dọa sự tồn vong của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam [3]. Như vậy, PCTN không chỉ có mục đích đơn thuần là giảm tình hình vi phạm pháp luật nói chung, tội phạm nói riêng mà còn có ý nghĩa quan trọng bảo vệ sự vững mạnh của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Thứ hai, PCTN góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước, nâng cao đời sống nhân dân

Thiệt hại về vật chất do tham nhũng gây ra không chỉ là số lượng tài sản rất lớn của Nhà nước, tập thể và công dân bị các đối tượng tham nhũng chiếm đoạt mà còn bao gồm cả những thiệt hại vật chất do các đối tượng này làm thất thoát hoặc gây lãng phí.

Những thiệt hại vật chất do các vụ tham nhũng gây ra là rất lớn, có vụ thiệt hại vật chất lên đến hàng ngàn tỷ đồng. Nếu so sánh với mức thu ngân sách hàng năm của đất nước, mức chi hàng năm cho y tế, giáo dục hoặc cho an sinh xã hội, xoá đói, giảm nghèo... thì càng thấy rõ mức độ nghiêm trọng của những thiệt hại vật chất do tham nhũng gây ra. Tham nhũng làm hao tổn lớn nguồn lực kinh tế của quốc gia, làm chậm nhịp tăng trưởng của nền kinh tế, làm cho nền kinh tế đất nước rơi vào tình trạng tụt hậu ngày càng xa so với các nước trong khu vực và thế giới.

Vì vậy, để phát triển kinh tế nhanh và vững chắc, đồng thời không ngừng nâng cao đời sống, vật chất, tinh thần cho nhân dân cần thực hiện các biện pháp cần thiết để phòng ngừa và đấu tranh không khoan nhượng với tham nhũng. Việc tích cực PCTN có ý nghĩa quan trọng không chỉ đối với việc phát triển, tăng trưởng nền kinh tế mà còn có ý nghĩa to lớn, góp phần quan trọng trong việc cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

Thứ ba, PCTN góp phần duy trì các giá trị đạo đức truyền thống, làm lành mạnh các quan hệ xã hội

Với đặc điểm đặc trưng là được thực hiện bởi những người có chức vụ, quyền hạn và với mục đích vụ lợi, các hành vi tham nhũng không chỉ gây ra những thiệt hại lớn về kinh tế, tài sản cho nhà nước và xã hội mà nó còn làm tổn hại nghiêm trọng đến các giá trị đạo đức truyền thống, “làm vẩn đục” các quan hệ xã hội. Sự thiếu gương mẫu trong việc tuân thủ pháp luật của người có chức vụ, quyền hạn; sự tham lam, vụ lợi, “thu vén” cho lợi ích cá nhân của người có chức vụ quyền hạn; sự tha hoá nhân cách, lợi dụng, lạm dụng quyền hành làm trái pháp luật, chiếm đoạt tài sản của người có chức vụ quyền hạn - sự tham nhũng đã làm cho các giá trị đạo đức truyền thống bị chà đạp nghiêm trọng. Các giá trị đạo đức truyền thống của xã hội, của dân tộc như lòng nhân ái, đức hy sinh, tinh thần tương thân tương ái... không những không được đề cao mà ngày càng mai một.

Để bảo vệ xã hội, bảo tồn và phát triển các giá trị đạo đức, văn hoá truyền thống thì Nhà nước, mỗi người dân và toàn xã hội cần đồng lòng, chung sức đấu tranh không khoan nhượng với các hành vi tham nhũng và tội phạm về tham nhũng. Việc phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng chính là hoạt động góp phần duy trì các giá trị đạo đức truyền thống và làm lành mạnh các quan hệ xã hội.

Thứ tư, PCTN góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào chế độ và pháp luật

Đấu tranh PCTN là một trong những vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với sự sống còn của chế độ, hạnh phúc của nhân dân và tương lai của dân tộc. Đây là cuộc chiến đầy gian khó và phức tạp nhằm chống lại những thói hư, tật xấu đang

tiềm ẩn trong mỗi cán bộ, công chức, viên chức - những người được nhà nước và nhân dân trao quyền ở các cơ quan từ trung ương đến địa phương. Cuộc đấu tranh chống tham nhũng chỉ có thể giành được thắng lợi như mong muốn khi có sự kiên quyết trong chỉ đạo của cấp uỷ Đảng, của chính quyền cũng như sự hưởng ứng, tham gia tích cực của mỗi công dân. Ngoài ra, cần lưu ý rằng, hai thành tố hợp thành nội dung của cuộc đấu tranh này là phòng và chống tham nhũng. Việc “phòng” và “chống” tham nhũng là hai hoạt động khác nhau nhưng có quan hệ tác động qua lại lẫn nhau. Phương châm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước ta là lấy phòng ngừa là chính nhưng đấu tranh kiên quyết, không khoan nhượng. Để phòng ngừa tham nhũng, các cơ quan, tổ chức cần thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật, giáo dục cán bộ, công chức, viên chức không vi phạm pháp luật về PCTN, cổ vũ động viên mọi tầng lớp nhân dân phát hiện, tố giác hành vi tham nhũng. Trong phạm vi quyền hạn của mình, các cơ quan, tổ chức, đặc biệt là người đứng đầu cơ quan, tổ chức phải thường xuyên nhắc nhở, giáo dục cán bộ đồng thời xử lý nghiêm minh các hành vi tham nhũng, thu hồi tài sản tham nhũng, bảo vệ người tố giác... Điều đó góp phần quan trọng trong công tác PCTN và đồng thời củng cố lòng tin của cán bộ, công chức cũng như của toàn dân đối với cơ quan, tổ chức và pháp luật.

1.2. Các biện pháp hành chính phòng, chống tham nhũng

1.2.1. Khái niệm, đặc điểm các biện pháp hành chính phòng, chống tham nhũng và mối quan hệ với biện pháp dân sự, hình sự

1.2.1.1. Khái niệm

Các biện pháp hành chính phòng, chống tham nhũng là các biện pháp do luật hành chính quy định (không bao gồm các chế tài dân sự, hình sự), được cụ thể hóa trong Luật PCTN, bao gồm:

Thứ nhất, nhóm các biện pháp phòng ngừa

Phòng ngừa tham nhũng là biện pháp do các cơ quan hành chính nhà nước hoặc người có thẩm quyền áp dụng nhằm phòng ngừa tham nhũng có thể xảy ra hoặc hạn chế những thiệt hại do tham nhũng gây ra. Những biện pháp phòng ngừa

gồm: công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị; xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn; xây dựng quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức; minh bạch tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức; chế độ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng; cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán nhằm phòng ngừa tham nhũng.

Thứ hai, nhóm các biện pháp phát hiện tham nhũng: phát hiện tham nhũng là việc tìm ra vụ việc tham nhũng và có biện pháp kịp thời để hạn chế thiệt hại xảy ra, đồng thời xác định mức độ trách nhiệm của người có hành vi vi phạm, có hình thức xử lý thích đáng và nghiêm minh. Việc phát hiện tham nhũng đòi hỏi sự nỗ lực của mọi cơ quan, tổ chức, đặc biệt là các cơ quan có chức năng thanh tra, điều tra, giám sát, kiểm sát cũng như sự tham gia tích cực của công dân. Luật PCTN quy định việc phát hiện tham nhũng thông qua ba hoạt động chủ yếu: công tác kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước; hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán; tố cáo của công dân.

Thứ ba, các biện pháp xử lý tham nhũng: Xử lý tham nhũng, trong đó có xử lý người có hành vi tham nhũng và xử lý tài sản tham nhũng là vấn đề quan trọng, là khâu cuối cùng trong quá trình đấu tranh với một hành vi hay vụ việc tham nhũng. Xử lý tham nhũng thể hiện rõ nét quan điểm và thái độ của nhà nước cũng như phản ứng của xã hội đối với tham nhũng. Tuy nhiên, cần phải thấy rằng, về cơ bản, pháp luật nước ta đã có những quy định khá đầy đủ, chặt chẽ về việc xử lý các hành vi vi phạm pháp luật nói chung và tham nhũng nói riêng, bao gồm xử lý người có hành vi tham nhũng (không bao gồm xử lý hình sự) và xử lý tài sản tham nhũng.

1.2.1.2. Mối quan hệ giữa biện pháp hành chính với các biện pháp dân sự, hình sự trong phòng, chống tham nhũng

Các biện pháp hành chính và các biện pháp dân sự, biện pháp hình sự có quan hệ rất chặt chẽ trong đấu tranh PCTN.

Thứ nhất, trong công tác thu hồi tài sản tham nhũng [42]

Thu hồi tài sản tham nhũng là một trong những biện pháp đấu tranh chống tham nhũng có hiệu quả. Từ lâu Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đề ra các giải pháp nhằm thu hồi nhanh chóng các tài sản của Nhà nước, tổ chức, công dân do tội phạm tham nhũng chiếm đoạt. Nhà nước đã xây dựng và ban hành các quy định pháp luật; bảo đảm cơ sở pháp lý cho việc thực thi các biện pháp thu hồi tài sản do phạm tội mà có nói chung, tài sản tham nhũng nói riêng. Xác định nguyên tắc chỉ đạo “tài sản bị chiếm đoạt do hành vi tham nhũng phải được thu hồi, tài sản do tham nhũng mà có phải bị tịch thu”. Theo quy định của Điều 70, 71 Luật PCTN thì các biện pháp tịch thu, thu hồi tài sản tham nhũng bao gồm các biện pháp hình sự, các biện pháp hành chính, kinh tế và dân sự khác.

- *Các biện pháp hình sự*: các biện pháp xử lý, thu hồi tài sản tham nhũng do phạm tội mà có được quy định cụ thể, trực tiếp trong BLHS năm 1999. Theo quy định tại Điều 28 BLHS, thì việc thu hồi tài sản do phạm tội mà có trước hết được thực hiện bằng việc áp dụng các hình phạt là: Phạt tiền (hình phạt chính), tịch thu tài sản (hình phạt bổ sung) và phạt tiền (hình phạt bổ sung khi không áp dụng là hình phạt chính).

- *Các biện pháp có tính chất hành chính, dân sự*: tại Chương VI BLHS quy định các biện pháp tư pháp; Điều 41 quy định “*Việc tịch thu, sung quỹ nhà nước được áp dụng đối với: công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội; vật hoặc tiền do phạm tội hoặc do mua bán, đối chác những thứ ấy mà có*”. Theo quy định nêu trên, việc tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm là những biện pháp có tính chất hành chính, dân sự, nhưng do Tòa án quyết định trong vụ án hình sự.

Ở khía cạnh này, vai trò của biện pháp hành chính dường như mờ nhạt hơn so với hai biện pháp còn lại.

Thứ hai, đối với việc phòng ngừa hành vi tham nhũng. Nếu các biện pháp hình sự mang tính răn đe để điều chỉnh hành vi của chủ thể có ý định tham nhũng; biện pháp dân sự tạo hành lang pháp lý về quyền yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu, quyền đòi lại tài sản, trong đó có tài sản của tổ chức, cá nhân, cơ quan nhà nước do tội phạm tham nhũng chiếm đoạt, đánh trúng tâm lý thiệt hại tài sản của chủ thể

tham nhũng thì biện pháp hành chính lại mang ý nghĩa ngăn ngừa ngay từ đầu, điều chỉnh tư tưởng, ý định tham nhũng của đội ngũ cán bộ, công chức bằng giáo dục, tuyên truyền pháp luật, dùng sức mạnh đạo đức công vụ, đạo đức của người sử dụng quyền lực nhà nước để ngăn ngừa tham nhũng.

Thứ ba, về xử lý hành vi tham nhũng. Cả hai biện pháp hành chính và hình sự đều điều chỉnh về vi phạm pháp luật về tham nhũng, nhưng tùy vào mức độ và tính chất nguy hiểm mà có chế tài thích hợp. Đối tượng có thể bị xử lý liên quan đến việc thực hiện quy định của pháp luật về PCTN rất đa dạng. Tuy nhiên, đối với cán bộ, công chức, viên chức (là nhóm chủ yếu trong số những người có chức vụ, quyền hạn) thì hình thức xử lý phổ biến đối với họ (nếu chưa đến mức xử lý hình sự) là việc áp dụng các hình thức kỷ luật bao gồm: Khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương, hạ ngạch, cách chức, buộc thôi việc.

Nếu hành vi vi phạm đến mức độ nguy hiểm cao gây thiệt hại lớn về tiền và tài sản của Nhà nước thì họ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo phần các tội phạm về tham nhũng (bao gồm 7 tội danh) sẽ bị truy cứu về tội danh khác mà thông thường là *tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng* (Điều 285 của *Bộ luật hình sự năm 1999*).

Luật PCTN đã có những quy định nghiêm khắc hơn về hậu quả pháp lý đối với người có hành vi tham nhũng, cụ thể ở hai điểm sau đây: “*Người có hành vi tham nhũng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật; truy cứu trách nhiệm hình sự; trong trường hợp bị kết án về hành vi tham nhũng và bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật thì phải bị buộc thôi việc; đối với đại biểu Quốc hội, đại biểu hội đồng nhân dân thì đương nhiên mất quyền đại biểu Quốc hội, đại biểu hội đồng nhân dân*” (Điều 69).

1.2.1.3. Đặc điểm các biện pháp hành chính phòng, chống tham nhũng

Thứ nhất, các biện pháp hành chính PCTN phù hợp với đường lối, chính sách của Đảng. Đảng Cộng Sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo đất nước với phương châm “tuyệt đối, toàn diện”, pháp luật được ban hành đều dựa trên định hướng của Đảng. Đặc biệt, trong giai đoạn hiện nay, Đảng là lực lượng tiên phong trong công

tác PCTN (Trưởng ban chỉ đạo quốc gia về PCTN là đồng chí Tổng Bí thư và Ban Nội chính Trung ương của Đảng là cơ quan thường trực tham mưu, theo dõi công tác này).

Thứ hai, các biện pháp hành chính PCTN có tính đa dạng, thích hợp để tác động lên những đối tượng khác nhau. Tham nhũng ở nước ta là một hiện tượng phức tạp, chông chéo bởi những mối quan hệ “quyền lực công” và liên quan đến những người có chức vụ, quyền hạn; số lượng người có chức vụ, quyền hạn khá đông và hoạt động trong nhiều lĩnh vực, vì vậy các biện pháp hành chính phải đa dạng để hướng tới nhiều đối tượng khác nhau, không chỉ với những người có chức vụ, quyền hạn mà còn cả những thành phần khác trong xã hội.

Thứ ba, các biện pháp hành chính PCTN có tính mềm dẻo, linh hoạt và sáng tạo. Hiện nay, tình hình tham nhũng ở nước ta vẫn đang diễn biến phức tạp, xảy ra ở nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều lĩnh vực với mức độ phổ biến, tính chất rất nghiêm trọng và chưa bị đẩy lùi [37], và trong tương lai, tham nhũng có thể bị biến tướng và “ngụy trang” bằng những hình thức khác nhau tương tự “lợi ích nhóm”, vì thế, các biện pháp hành chính PCTN cũng phải được điều chỉnh với tính mềm dẻo, linh hoạt, sáng tạo để phù hợp trong hoàn cảnh mới.

1.2.2. Nội dung các biện pháp hành chính phòng, chống tham nhũng

1.2.2.1. Biện pháp phòng ngừa tham nhũng

Thứ nhất, công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị

Đây là biện pháp quan trọng đầu tiên để phòng ngừa tham nhũng. Công khai, minh bạch sẽ tạo điều kiện để người dân cũng như toàn xã hội tham gia giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước. Với việc công khai minh bạch trong hoạt động tại các cơ quan nhà nước, người dân sẽ dễ dàng nhận biết được các quyền và nghĩa vụ của mình để chủ động thực hiện theo các quy định của pháp luật cũng như đòi hỏi cơ quan Nhà nước và các cán bộ, công chức nhà nước thực hiện các quy định đó. Công khai, minh bạch sẽ làm cho công chức nhà nước có ý thức hơn trong việc thực hiện chức trách, công vụ của mình theo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền mà

pháp luật quy định, bởi mọi hành vi vi phạm, phiền hà, sách nhiễu hay lợi dụng chức trách để tư lợi đều có thể bị phát hiện và xử lý.

Luật PCTN đưa ra các nguyên tắc cũng như thể chế hoá để bảo đảm cho việc thực hiện các nguyên tắc đó. Bên cạnh đó *Luật PCTN* quy định công khai, minh bạch trong một số lĩnh vực hoạt động cụ thể, những lĩnh vực dễ xảy ra tham nhũng.

Một là, nguyên tắc công khai

Luật PCTN quy định chính sách, pháp luật và việc tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật phải được tiến hành công khai, minh bạch, bảo đảm công bằng, dân chủ. Cơ quan, tổ chức, đơn vị phải công khai hoạt động của mình, trừ nội dung thuộc bí mật nhà nước và những nội dung khác theo quy định của Chính phủ.

Đây là một bước tiến rất lớn trong quá trình công khai hoá hoạt động của bộ máy nhà nước. Trước đây, Pháp lệnh chống tham nhũng năm 1998 cũng coi công khai là biện pháp quan trọng nhằm phòng ngừa tham nhũng nhưng chỉ giới hạn trong phạm vi rất hẹp, đó là thủ tục hành chính trong các lĩnh vực liên quan đến giải quyết công việc của công dân.

Hai là, hình thức công khai

Để công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị, Luật PCTN đã quy định 7 hình thức công khai [25], dựa trên những hình thức này, các cơ quan, tổ chức, đơn vị phải lựa chọn sử dụng một hoặc một số hình thức phù hợp. Quy định cụ thể như vậy để tránh việc cơ quan, tổ chức đơn vị thực hiện công khai một cách hình thức, tuý tiện và né tránh công khai sự thật.

Bên cạnh đó, Luật PCTN quy định về quyền yêu cầu cung cấp thông tin, bao gồm hai loại: quyền yêu cầu cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan báo chí và quyền yêu cầu cung cấp thông tin của cá nhân. Theo đó, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan báo chí trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin về hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình theo quy định của pháp luật.

Ngoài việc nêu nguyên tắc và cơ chế bảo đảm công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức đơn vị nói chung, Luật PCTN có những quy định cụ thể trong một số lĩnh vực mà thực tế cho thấy có xảy ra nhiều tham nhũng, gây thất thoát một lượng lớn tiền, tài sản của Nhà nước cũng như có nhiều sự phiền hà, sách nhiễu [25, tr.16-27].

Thứ hai, xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn

Chế độ, định mức, tiêu chuẩn trong các lĩnh vực quản lý luôn liên quan đến việc sử dụng tài sản, vốn và ngân sách nhà nước. Việc thực hiện một cách tùy tiện và trái phép các tiêu chuẩn, chế độ, định mức đó sẽ dẫn đến việc tài sản của Nhà nước bị thất thoát, tiền bạc hoặc những lợi ích vật chất rơi vào một số ít người, thực chất đó là sự hưởng lợi bất chính của những người có chức vụ, quyền hạn hoặc những người có quan hệ thân quen với người có chức vụ, quyền hạn. Đây chính là hành vi tham nhũng cần ngăn chặn.

Luật PCTN đã đưa ra các quy định nhằm bảo đảm cho việc ban hành, chấp hành quy định từ việc xây dựng, thực hiện cũng như chế độ, trách nhiệm trong trường hợp để xảy ra vi phạm, đó là:

- Cơ quan nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

+ Xây dựng, ban hành và công khai các chế độ, định mức, tiêu chuẩn;

+ Công khai các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn về quyền lợi đối với từng loại chức danh trong cơ quan mình;

+ Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn;

- Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp và các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có sử dụng ngân sách nhà nước hướng dẫn áp dụng hoặc phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xây dựng, ban hành và công khai các chế độ, định mức, tiêu chuẩn áp dụng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình;

- Nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, đơn vị ban hành các chế độ, định mức, tiêu chuẩn trái pháp luật.

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị phải thường xuyên kiểm tra việc chấp hành và xử lý kịp thời hành vi vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn.

- Người có hành vi vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn phải bị xử lý theo quy định của pháp luật.

- Người cho phép sử dụng vượt chế độ, định mức, tiêu chuẩn phải bồi thường phần giá trị mà mình cho phép sử dụng vượt quá; người sử dụng vượt chế độ, định mức, tiêu chuẩn có trách nhiệm liên đới bồi thường phần giá trị được sử dụng vượt quá.

- Người cho phép thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn chuyên môn - kỹ thuật thấp hơn mức quy định phải bồi thường phần giá trị mà mình cho phép sử dụng thấp hơn; người hưởng lợi từ việc thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn chuyên môn - kỹ thuật thấp hơn có trách nhiệm liên đới bồi thường phần giá trị được hưởng lợi [25, tr.28-29].

Thứ ba, xây dựng quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức

Các nước trên thế giới mặc dù có chế độ chính trị khác nhau nhưng về cơ bản, việc thực hiện quyền lực công đều phải thông qua hoạt động công vụ của đội ngũ công chức. Vì vậy, để chống tham nhũng, không có cách gì tốt hơn là tăng cường kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước, cụ thể là tác động vào đội ngũ cán bộ, công chức và quá trình thực hiện công vụ. Ngoài ra, trong chừng mực nào đó, cần kiểm soát cả những quan hệ xã hội của họ, những quan hệ có nguy cơ bị lợi dụng và nảy sinh tham nhũng. Trên một quan niệm chung như vậy, Luật PCTN đã đưa ra nhiều giải pháp liên quan đến cán bộ, công chức như sau:

Một là, xây dựng quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức

Quy tắc ứng xử là các chuẩn mực xử sự của cán bộ, công chức, viên chức trong thi hành nhiệm vụ, công vụ và trong quan hệ xã hội, bao gồm những việc phải làm hoặc không được làm, phù hợp với đặc thù công việc của từng nhóm cán bộ, công chức, viên chức và từng lĩnh vực hoạt động công vụ, nhằm bảo đảm sự liêm chính và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức.

Theo quy định của *Luật PCTN*, nội dung quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức bao gồm:

+ *Những điều cán bộ, công chức không được làm (thường gọi là những điều cấm)*

- Cửa quyền, hách dịch, gây khó khăn, phiền hà đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong khi giải quyết công việc;

- Thành lập, tham gia thành lập hoặc tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã, bệnh viện tư, trường học tư và tổ chức nghiên cứu khoa học tư, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác...[25, tr.30-32].

Như vậy, có thể thấy trong những quy định nói trên có những việc mà bản thân cán bộ, công chức không được làm và cả những việc liên quan đến những người thân (vợ, chồng, con, bố, mẹ, anh, chị, em ruột) của cán bộ, công chức, viên chức đó.

Đó là những quy định cần thiết để ngăn ngừa những nguy cơ xảy ra tham nhũng và tăng cường tính liêm chính, bảo đảm sự công tâm của cán bộ, công chức, viên chức trong hoạt động công vụ.

+ *Nghĩa vụ báo cáo và xử lý báo cáo về dấu hiệu tham nhũng xảy ra trong cơ quan, tổ chức, đơn vị*

Xung đột lợi ích có thể xuất hiện trong quá trình thực hiện khi một cán bộ, công chức, viên chức phát hiện thấy hành vi tham nhũng của đồng nghiệp, thậm chí của cấp trên. Nếu báo cáo với người có thẩm quyền thì có thể gây mất đoàn kết nội bộ hoặc cơ quan, đơn vị mình mất thành tích thi đua. Tuy nhiên, pháp luật đòi hỏi người cán bộ, công chức, viên chức phải lựa chọn lợi ích cao hơn đó là lợi ích của Nhà nước, của toàn xã hội và trong mọi trường hợp đều phải bảo đảm nguyên tắc “*mọi hành vi tham nhũng đều phải được phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời, nghiêm minh*”. Sự xung đột lợi ích này cũng xảy ra đối với người nhận được báo cáo về dấu hiệu tham nhũng xảy ra trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và việc giải

quyết đúng pháp luật báo cáo đó chính là ứng xử một cách đúng đắn, là trách nhiệm của người cán bộ, công chức, viên chức.

+ *Quy định về tặng quà và nhận quà tặng của cán bộ, công chức, viên chức*

Việc tặng quà và nhận quà tặng vốn là một phong tục, tập quán bình thường của người Á Đông nói chung và của người Việt Nam nói riêng, thể hiện tình cảm hay sự biết ơn trong các quan hệ xã hội. Tuy nhiên, phong tục này hiện nay đang có xu hướng bị lợi dụng để thực hiện hành vi đưa và nhận hối lộ. Để phòng ngừa tham nhũng thông qua thực hiện hành vi tặng quà và nhận quà tặng, *Luật PCTN* chỉ đưa ra các quy định có tính nguyên tắc và giao cho Chính phủ quy định chi tiết việc tặng quà, nhận quà tặng và nộp lại quà tặng của cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 40, *Luật PCTN* cũng đã quy định về việc tặng quà và nhận quà tặng của cán bộ, công chức, viên chức.

Ngày 10-5-2007, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 64/2007/QĐ-TTg ban hành *Quy chế về việc tặng quà, nhận quà và nộp lại quà tặng của cơ quan, tổ chức, đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước và cán bộ, công chức, viên chức*.

Một số hành vi bị nghiêm cấm trong việc nhận quà bao gồm:

- Cơ quan, đơn vị và cá nhân tặng quà có liên quan đến hoạt động công vụ do mình hoặc người mà mình nhận thay chịu trách nhiệm giải quyết (trước, trong và sau khi thực hiện công vụ) hoặc thuộc phạm vi quản lý.

- Quà tặng của các cơ quan, đơn vị và cá nhân mà việc tặng quà đó không rõ mục đích.

- Việc tặng quà có mục đích liên quan đến các hành vi tham nhũng.

- Hai là, *xây dựng quy tắc đạo đức nghề nghiệp*

Để góp phần phòng ngừa tham nhũng, *Luật PCTN* quy định việc xây dựng quy tắc đạo đức nghề nghiệp đối với một số nghề đặc thù, hoạt động có tính chất độc lập như luật sư, kiểm toán viên. Mặc dù đây không phải là những người thuộc đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong cơ quan nhà nước nhưng cũng cần có những quy định về chuẩn mực đạo đức trong quá trình hành nghề cho phù hợp, nhằm

hướng tới một nền văn hoá phi tham nhũng trong toàn xã hội, cả trong khu vực công lẫn khu vực tư.

Quy tắc đạo đức nghề nghiệp là chuẩn mực xử sự phù hợp với đặc thù của từng nghề bảo đảm sự liêm chính, trung thực và trách nhiệm trong việc hành nghề. *Luật phòng, chống tham nhũng* quy định tổ chức xã hội - nghề nghiệp phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quy tắc đạo đức nghề nghiệp đối với hội viên của mình theo quy định của pháp luật.

- *Ba là, vấn đề chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức*

Việc chuyển đổi vị trí công tác được coi là một giải pháp quan trọng nhằm ngăn ngừa hiện tượng cầu kết, móc nối hình thành “êkíp”, “đường dây” tiêu cực, tham nhũng. Điều 43, Luật PCTN quy định một số nguyên tắc chung về chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức. Để đảm bảo sự ổn định của quản lý và tính chất chuyên sâu của công việc, việc chuyển đổi chỉ là chuyển đổi về vị trí, mang tính chất địa lý, cơ học chứ không phải chuyển đổi về nội dung, tính chất công việc; đồng thời việc chuyển đổi chỉ thực hiện đối với một số vị trí quản lý tiền, tài sản của Nhà nước hoặc trực tiếp tiếp xúc, giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Đây là một biện pháp mới trong công tác phòng, chống tham nhũng được nhiều nước áp dụng có hiệu quả. Cụ thể hoá quy định này, ngày 27-10-2007, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 158/2007/NĐ-CP *quy định danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức.*

Thứ tư, vấn đề minh bạch tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức

Luật PCTN đã quy định một cách khá toàn diện và đầy đủ những nội dung cơ bản nhất của một hệ thống minh bạch tài sản, bao gồm những vấn đề chính như sau:

- Cán bộ, công chức phải kê khai tài sản hằng năm để tránh che giấu, tẩu tán tài sản tham nhũng; ngoài việc kê khai tài sản của bản thân, cán bộ, công chức còn phải kê khai tài sản của vợ hoặc chồng và con chưa thành niên. Đối tượng tài sản phải kê khai được mở rộng hơn so với Pháp lệnh chống tham nhũng.

- Việc xác minh tài sản được tiến hành trong một số trường hợp nhất định. Đây là một điểm mới so với Pháp lệnh chống tham nhũng. Khi xem xét đề bạt, bổ nhiệm, bầu cử hoặc có hành vi tham nhũng thì thủ trưởng cơ quan tổ chức việc xác minh tài sản để xem cán bộ, công chức có kê khai trung thực hay không.

- Bản kết luận về sự minh bạch trong kê khai tài sản được công khai trong một số trường hợp nhất định theo yêu cầu và trên cơ sở quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

- Người có nghĩa vụ kê khai tài sản sẽ phải chịu trách nhiệm kỷ luật nếu kê khai không trung thực, nếu là người ứng cử thì sẽ bị loại khỏi danh sách bầu cử, người được dự kiến bổ nhiệm, phê chuẩn thì sẽ không được bổ nhiệm, phê chuẩn vào chức vụ dự kiến.

Luật PCTN còn quy định việc xác minh tài sản là để đánh giá về tính trung thực của việc kê khai, góp phần đánh giá cán bộ, công chức hoặc người tham gia ứng cử vào các cơ quan quyền lực để bảo đảm bộ máy nhà nước có một đội ngũ cán bộ trung thực, liêm chính, không tham nhũng. Qua xác minh, nếu người bị kết luận là không trung thực trong kê khai tài sản, thu nhập thì tùy theo tính chất, mức độ mà bị xử lý bằng một trong các hình thức kỷ luật sau: khiển trách; cảnh cáo; hạ bậc lương; hạ ngạch. Đối với người kê khai tài sản, thu nhập không trung thực là người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu hội đồng nhân dân, người dự kiến được bầu, phê chuẩn tại Quốc hội, Hội đồng nhân dân, đại hội của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, người dự kiến được phê chuẩn, bổ nhiệm thì bị xử lý như: bị xoá tên khỏi danh sách người ứng cử, không được bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm.

Thứ năm, chế độ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi đề xảy ra tham nhũng

Luật PCTN đã khẳng định lại nguyên tắc: *“Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải chịu trách nhiệm về việc đề xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách”* [25, tr.41]. Trên cơ sở nguyên tắc chung như trên, Luật cũng quy định tùy từng trường hợp cụ thể mà xác định mức độ trách nhiệm khác nhau của người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan,

tổ chức, đơn vị, có trường hợp họ phải chịu trách nhiệm trực tiếp, có trường hợp thì liên đới chịu trách nhiệm.

Mặc dù đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị đối với việc để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do họ phụ trách nhưng do tính chất phức tạp của tệ nạn tham nhũng cho nên Luật PCTN cũng quy định việc loại trừ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong những trường hợp bất khả kháng, những hành vi tham nhũng vượt ra ngoài khả năng kiểm soát của người lãnh đạo quản lý, trường hợp họ không thể biết được hoặc đã áp dụng các biện pháp cần thiết để phòng ngừa, ngăn chặn hành vi tham nhũng.

Cụ thể hóa những quy định của Luật PCTN, ngày 22-9-2006, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 107/2006/NĐ-CP *quy định xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách*. Nghị định này quy định mức độ của vụ, việc tham nhũng làm căn cứ để xác định trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Thứ sáu, cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán nhằm phòng ngừa tham nhũng

Cải cách hành chính là công việc có tính chất thường xuyên, lâu dài, liên tục với mục tiêu xây dựng một nền hành chính trong sạch, hiện đại, hoạt động có hiệu quả, hiệu lực và thể hiện tính phục vụ. Cải cách hành chính bao gồm rất nhiều nội dung phong phú và toàn diện, từ cải cách thể chế, tổ chức bộ máy, quản lý và sử dụng cán bộ công chức, quản lý tài chính công...

Luật PCTN chỉ đề cập đến một số khâu quan trọng cần lưu ý trong quá trình tiến hành cải cách hành chính để góp phần phòng ngừa tham nhũng. Trong đó có nội dung Nhà nước thực hiện cải cách hành chính nhằm tăng cường tính độc lập và tự chịu trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị; đẩy mạnh việc phân cấp quản lý nhà nước giữa Trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền địa phương; phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cơ quan nhà nước; công khai, đơn giản

hoá và hoàn thiện thủ tục hành chính; quy định cụ thể trách nhiệm của từng chức danh trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Thực hiện quy định này, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 53/2007/NQ-CP ngày 7-1-2007 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoáng X về đẩy mạnh cải cách hành chính nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước đặt ra yêu cầu các bộ, ngành, địa phương đã đẩy mạnh công tác rà soát thủ tục hành chính để sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ những quy định không còn phù hợp; công khai các thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế “một cửa” và “một cửa liên thông” trong việc giải quyết công việc của người dân và doanh nghiệp đến cấp xã, áp dụng tiêu chuẩn ISO 9001:2000 vào quản lý hành chính.

Luật PCTN cũng quy định có tính chất định hướng cho các cơ quan nhà nước áp dụng khoa học - công nghệ trong quản lý nhằm giảm bớt cơ hội và nguy cơ xảy ra tham nhũng, nhất là việc tiếp xúc trực tiếp giữa người quản lý và người bị quản lý trong những trường hợp không cần thiết. Theo đó, cơ quan, tổ chức, đơn vị thường xuyên cải tiến công tác, tăng cường áp dụng khoa học - công nghệ trong hoạt động của mình, tạo thuận lợi để công dân, cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm hướng dẫn trình tự, thủ tục giải quyết công việc để cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân chủ động thực hiện mà không phải trực tiếp tiếp xúc với cán bộ, công chức, viên chức.

Một giải pháp phòng ngừa tham nhũng quan trọng nữa mà Luật PCTN có quy định đó là vấn đề đổi mới phương thức thanh toán. Hiện nay, về cơ bản nền kinh tế của chúng ta vẫn là nền kinh tế tiền mặt, các giao dịch chủ yếu bằng tiền mặt, rất khó kiểm soát, kể cả các khoản thu nhập của cán bộ, công chức từ ngân sách nhà nước. Vì vậy, cùng với việc áp dụng khoa học - công nghệ trong quản lý, cần phải đổi mới phương thức thanh toán để kiểm soát chặt chẽ hơn các giao dịch, nhất là những khoản chi có sử dụng ngân sách nhà nước và các khoản chi liên quan đến cán bộ, công chức, viên chức để bảo đảm sự minh bạch trong các nguồn thu nhập của họ.

Đến nay, việc trả lương qua tài khoản cho cán bộ, công chức, viên chức đã từng bước được thực hiện theo Chỉ thị số 20/2007/CT-TTg ngày 24-8-2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc trả lương qua tài khoản cho các đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

1.2.2.2. Biện pháp phát hiện tham nhũng

Thứ nhất, phát hiện tham nhũng thông qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước

Kiểm tra là một hoạt động không thể thiếu trong quản lý nhà nước. Các hành vi tham nhũng có thể diễn ra trong mọi lĩnh vực quản lý. Vì vậy, công tác kiểm tra của các cơ quan quản lý có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc phát hiện các vụ việc tham nhũng. Trên thực tế, việc xác định tính chất và mức độ của vụ việc tham nhũng cũng như trách nhiệm của những người vi phạm đòi hỏi có nhiều thời gian và công sức, thường thuộc trách nhiệm của các cơ quan thanh tra, điều tra nhưng những dấu hiệu ban đầu của các vi phạm, những dấu hiệu không bình thường trong hoạt động quản lý lại thường do các cơ quan quản lý phát hiện. Vì vậy, Luật PCTN nhấn mạnh trách nhiệm của các cơ quan quản lý trong việc thường xuyên tiến hành kiểm tra việc chấp hành pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của cơ quan mình. Tùy từng vụ việc cụ thể, căn cứ vào tính chất và mức độ của nó mà có thể xử lý theo thẩm quyền hoặc thông báo cho các cơ quan chức năng xử lý.

Theo quy định của Luật PCTN, thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm thường xuyên tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của mình nhằm kịp thời phát hiện hành vi tham nhũng. Khi phát hiện có hành vi tham nhũng, thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước phải kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc thông báo cho cơ quan thanh tra, điều tra, viện kiểm sát có thẩm quyền. Ngoài ra, Luật PCTN cũng quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc tự kiểm tra nội bộ cơ quan, tổ chức, đơn vị mình, kiểm tra việc thi hành nhiệm vụ, công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức do mình quản lý để phát hiện tham nhũng. Hình thức

kiểm tra phải có trọng tâm, trọng điểm cũng như trường hợp kiểm tra đột xuất phải có những điều kiện nhất định. Việc kiểm tra thường xuyên được tiến hành theo chương trình, kế hoạch, tập trung vào lĩnh vực, hoạt động thường phát sinh hành vi tham nhũng. Việc kiểm tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện có dấu hiệu tham nhũng.

Thứ hai, phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động thanh tra, kiểm toán

Trong nhánh hành pháp, các cơ quan thanh tra, kiểm toán có chức năng bảo vệ pháp luật và kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh những hành vi vi phạm, trong đó có tham nhũng.

Trong năm 2011, ngành Thanh tra phát hiện 150 vụ, 320 người có hành vi liên quan đến tham nhũng với số tài sản là 267.411 triệu đồng, 9,4 ha đất; kiến nghị thu hồi 263.370 triệu đồng, 6,3 ha đất; đã thu 79.530 triệu đồng, kiến nghị xử lý hành chính đối với 11 tập thể, 134 cá nhân, chuyển cơ quan điều tra hình sự 76 vụ, 159 người, xử lý trách nhiệm 32 người đứng đầu. Một số bộ, ngành, địa phương tích cực phát hiện và xử lý hành vi tham nhũng như: Bộ công thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các tỉnh Ninh Thuận, Nghệ An, Bình Định, Tiền Giang, Trà Vinh, Đồng Tháp... tổ chức, cá nhân; chuyển cơ quan điều tra xử lý 83 vụ việc, 102 người [5].

Năm 2013, ngành thanh tra phát hiện 80 vụ, 90 đối tượng có hành vi liên quan đến tham nhũng với số tiền 117,5 tỉ đồng, đã chuyển cơ quan điều tra 11 vụ việc. Cũng trong năm 2013, cơ quan điều tra các cấp đã thụ lý 371 vụ án, 847 bị can phạm tội về tham nhũng. Thiệt hại được xác định qua các vụ án này lên đến khoảng 9.260 tỉ đồng, 51.000 lượng vàng SJC, 155.000m² đất.

Nổi bật là các vụ án vi phạm các quy định cho vay trong hoạt động của tổ chức tín dụng xảy ra tại Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh Bình Chánh, TP.HCM gây thiệt hại 410 tỉ đồng, vụ án lạm quyền trong khi thi hành công vụ xảy ra tại Ngân hàng SeaBank gây thiệt hại 310 tỉ đồng...

Trong năm 2014, ngành thanh tra đã phát hiện 54 vụ, 87 đối tượng có hành vi liên quan đến tham nhũng với số tiền 68,5 tỷ đồng; đã thu hồi 46,9 tỷ đồng (đạt

68,5%, tăng 18,3% so với năm 2013). [37]

Có thể thấy rằng, hoạt động thanh tra, kiểm toán đã phát hiện ra rất nhiều sai phạm kinh tế có dấu hiệu tham nhũng hoặc có nguy cơ dẫn đến tham nhũng nếu không được ngăn chặn kịp thời.

Chính vì vậy, các hoạt động này được quy định rất chặt chẽ và đầy đủ trong các văn bản pháp luật cao nhất của Nhà nước. Một mặt, pháp luật trao cho các cơ quan này quyền hạn lớn để có thể đấu tranh với những vi phạm pháp luật, mặt khác cũng quy định chặt chẽ để hoạt động của các cơ quan này phải tuân thủ pháp luật, bảo đảm tính chính xác, khách quan trong khi đánh giá, kết luận những vụ việc và người có hành vi vi phạm để tránh oan sai.

Thứ ba, tố cáo và giải quyết tố cáo về hành vi tham nhũng

Tố cáo là việc công dân báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức. Tố cáo là một kênh quan trọng trong phát hiện hành vi tham nhũng. Luật PCTN quy định những nguyên tắc chung và nội dung cơ bản của tố cáo hành vi tham nhũng. Luật quy định cơ chế bảo vệ người tố cáo, quyền và nghĩa vụ của người tố cáo và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong tiếp nhận và xử lý tố cáo hành vi tham nhũng, khen thưởng người tố cáo...

Vấn đề tố cáo và giải quyết tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật nói chung đã được quy định trong Luật tố cáo năm 2011 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo hành vi tham nhũng với hai nhóm nội dung sau:

- Quyền của công dân trong việc tố cáo hành vi tham nhũng, trách nhiệm của công dân khi thực hiện quyền tố cáo. Người tố cáo phải tố cáo trung thực, nêu rõ họ, tên địa chỉ, cung cấp thông tin, tài liệu mà mình có và hợp tác với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tố cáo. Người tố cáo mà cố tình tố cáo sai sự thật phải bị xử lý nghiêm minh, nếu gây thiệt hại cho người bị tố cáo thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật [25, tr 47-48].

Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và những người có thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết tố cáo của công dân đối với hành vi tham nhũng. Luật PCTN nhấn mạnh trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc bảo vệ người tố cáo khỏi sự đe dọa trả thù, trù dập. Đây là vấn đề rất quan trọng vì trong nhiều trường hợp, người bị tố cáo là những người có chức vụ quyền hạn, thậm chí giữ chức vụ, quyền hạn rất cao nên họ có nhiều cách để trả thù người tố cáo hoặc giữ kín sự việc mà người tố cáo phát hiện cho nhà nước. Vì vậy, Nhà nước phải có những cơ chế bảo vệ người tố cáo, tạo điều kiện để công dân tích cực phát hiện các hành vi tham nhũng, cơ quan nhà nước kịp thời xử lý.

Về hình thức tố cáo, công dân tố cáo hành vi tham nhũng bằng các hình thức sau: Tố cáo trực tiếp; gửi đơn tố cáo; tố cáo qua điện thoại, tố cáo bằng thông điệp dữ liệu.

1.2.2.3. Biện pháp xử lý tham nhũng

Thứ nhất,, xử lý người có hành vi tham nhũng

Điều 68, Luật PCTN quy định đối tượng bị xử lý kỷ luật bao gồm:

- Người có hành vi tham nhũng;
- Người không báo cáo, tố giác khi biết được hành vi tham nhũng;
- Người không xử lý báo cáo, tố giác, tố cáo về hành vi tham nhũng;
- Người có hành vi đe dọa, trả thù, trù dập người phát hiện, báo cáo, tố giác, tố cáo, cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng;
- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách;
- Người thực hiện hành vi khác vi phạm quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan [25, tr.50].

Đối tượng có thể bị xử lý liên quan đến việc thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng rất đa dạng. Tuy nhiên, đối với cán bộ, công chức, viên chức (là nhóm chủ yếu trong số những người có chức vụ, quyền hạn) thì hình thức xử lý phổ biến đối với họ là việc áp dụng các hình thức kỷ luật: Khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương, hạ ngạch, cách chức, buộc thôi việc.

Đối với người đứng đầu đơn vị, khi để xảy ra tham nhũng thì có thể chịu các hình thức kỷ luật:

- Hình thức khiển trách được áp dụng trong trường hợp người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ, việc tham nhũng nghiêm trọng hoặc nhiều vụ, việc tham nhũng ít nghiêm trọng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách.

- Hình thức cảnh cáo được áp dụng trong trường hợp người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ, việc tham nhũng rất nghiêm trọng hoặc nhiều vụ, việc tham nhũng nghiêm trọng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách.

- Hình thức cách chức được áp dụng trong trường hợp người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ, việc tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng hoặc nhiều vụ, việc tham nhũng rất nghiêm trọng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách.

Thứ hai,, xử lý tài sản tham nhũng

Tham nhũng về bản chất là một hành vi có tính chất vụ lợi và một trong những hậu quả mà tham nhũng gây ra là tài sản công bị chiếm đoạt. Chính vì vậy, mục tiêu quan trọng của đấu tranh chống tham nhũng là phải bảo vệ được lợi ích của Nhà nước cũng như lợi ích của tập thể và cá nhân. Chống tham nhũng cần quan tâm đến việc tịch thu, thu hồi tài sản tham nhũng, tránh tình trạng chỉ quan tâm đến việc xử lý người vi phạm về kỷ luật hay hình sự mà chưa quan tâm hoặc có biện pháp hữu hiệu để thu hồi lại số tài sản mà kẻ tham nhũng đã chiếm đoạt và có được từ việc thực hiện hành vi tham nhũng. Điểm mới khá quan trọng trong việc xử lý tài sản của người đưa hối lộ đó là khuyến khích người đưa hối lộ khai báo, phát giác hành vi nhận hối lộ. Mặc dù, còn khá nhiều ý kiến khác nhau về vấn đề xử lý đối với người có hành vi hối lộ nhưng nhìn chung đều nhất trí rằng, cần có quy định theo hướng giảm nhẹ trách nhiệm cho người đưa hối lộ để khuyến khích họ phát giác hành vi nhận hối lộ.

Luật quy định về nguyên tắc tài sản tham nhũng phải được thu hồi, tịch thu, trả lại cho chủ sở hữu, quản lý hợp pháp hoặc sung quỹ nhà nước. Người đưa hối lộ mà chủ động khai báo trước khi hành vi đưa hối lộ bị phát giác thì được trả lại tài sản đã dùng để hối lộ. Theo Điều 71 về thu hồi tài sản tham nhũng có yếu tố nước ngoài thì trên cơ sở điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam, Chính phủ Việt Nam hợp tác với chính phủ nước ngoài trong việc thu hồi tài sản của Việt Nam hoặc của nước ngoài bị tham nhũng và trả lại tài sản đó cho chủ sở hữu hợp pháp.

1.3. Các điều kiện bảo đảm thực hiện biện pháp hành chính phòng, chống tham nhũng

1.3.1. Điều kiện về pháp luật

Từ năm 2005, Việt Nam ban hành Luật PCTN (được sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2012). Trước khi có Luật, Pháp lệnh chống tham nhũng đã được ban hành năm 1998 (sửa đổi, bổ sung năm 2000). Cùng với đó là các giải pháp PCTN được đưa ra như cải cách thủ tục hành chính; công khai, minh bạch các hoạt động của cơ quan nhà nước, tài sản và thu nhập cá nhân của cán bộ, công chức; tăng cường áp dụng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt... Nhưng thực tế từ năm 1998 đến nay, tình hình tham nhũng diễn ra ngày càng nhiều và nghiêm trọng cả về số vụ, tính chất, quy mô. Dưới góc độ quản lý nhà nước, hệ thống văn bản, quy phạm pháp luật phục vụ công tác PCTN ở nước ta còn thiếu đồng bộ, trên một số lĩnh vực còn sơ hở, chưa theo kịp sự phát triển mạnh mẽ của đất nước trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Đặc biệt là trong lĩnh vực dễ xảy ra tham nhũng như quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên khoáng sản; xây dựng đầu tư cơ bản; quản lý ngân sách; thu thuế, phí; quản lý, sử dụng vốn, tài sản trong doanh nghiệp nhà nước; tín dụng, ngân hàng; công tác tổ chức cán bộ; quan hệ giữa cơ quan nhà nước với người dân và doanh nghiệp; hợp tác đầu tư với nước ngoài; sử dụng các nguồn vốn vay nước ngoài... Công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng còn bất cập, kéo dài, nặng dưới

nhẹ trên. Vì vậy, để công tác PCTN đạt hiệu quả thì trước hết hệ thống pháp luật phải khoa học, giảm tối thiểu các kẽ hở cho những kẻ tham nhũng trục lợi. Trước hết, quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật phải khoa học; muốn thực hiện được điều đó, phải do các chuyên gia có uy tín và khách quan tư vấn, soạn thảo, phải được thảo luận dân chủ, công khai.

Một trong những điều kiện quan trọng nhất là tính khoa học của pháp luật, bảo đảm tính hệ thống, nhất quán, làm cho hoạt động của toàn xã hội được vận hành thống nhất và theo những quy tắc nhất định; đồng thời cả mặt tư tưởng và tâm lý đều hướng tới mục tiêu PCTN một cách tự giác. Tư tưởng, quyết tâm PCTN phải được thể hiện nhất quán ở mọi cấp độ từ Hiến pháp đến các Luật, Nghị định, văn bản hướng dẫn, chỉ thị của các ngành, các cấp chính quyền, cũng như quy định nội bộ của các cơ quan, đơn vị. Văn bản của Đảng không mang tính pháp quy, vì không trực tiếp điều chỉnh hành vi của người dân, mà chỉ có ý nghĩa trong hệ thống Đảng, nhưng vì Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền và được pháp luật, xã hội thừa nhận nên càng phải đòi hỏi văn bản của Đảng phải đóng vai trò nền tảng, định hướng đối với các văn bản pháp quy của Nhà nước.

1.3.2 .Điều kiện về tổ chức bộ máy, nhân lực

Điều 36 Công ước LHQ về PCTN cho rằng: “*Căn cứ vào các nguyên tắc căn bản của hệ thống pháp luật quốc gia, mỗi quốc gia thành viên sẽ đảm bảo có một hoặc một số cơ quan chuyên trách hoặc đội ngũ cán bộ đấu tranh chống tham nhũng thông qua việc thực thi pháp luật. Những cơ quan hay cá nhân này sẽ được trao cho sự độc lập cần thiết, căn cứ vào các nguyên tắc cơ bản của hệ thống pháp luật quốc gia thành viên, để có thể thực hiện nhiệm vụ một cách có hiệu quả và không phải chịu bất kỳ sự ảnh hưởng trái pháp luật nào. Đội ngũ cán bộ của các cơ quan này phải được đào tạo và cung cấp các phương tiện vật chất thích hợp để thực hiện nhiệm vụ*”.

Nhìn một cách tổng quan, không dễ dàng để chỉ ra “hệ thống các cơ quan PCTN ở Việt Nam” một cách rạch ròi. Ở Việt Nam, PCTN được coi là nhiệm vụ của mọi cấp, mọi ngành và toàn xã hội, vì vậy chức năng PCTN không tập trung ở

một cơ quan duy nhất mà được giao cho nhiều cơ quan của Đảng và Nhà nước. Theo các văn kiện liên quan của Đảng và Luật PCTN, các cơ quan có trách nhiệm trong vấn đề này ở Việt Nam hiện nay gồm:

- Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN.
- Hệ thống các cơ quan PCTN của Đảng (Ban Nội chính, Ủy ban Kiểm tra).
- Hệ thống các cơ quan PCTN của Chính phủ (TTCP, Thanh tra các cấp).
- Hệ thống các cơ quan tư pháp (Cục cảnh sát điều tra các vụ án tham nhũng, Bộ Công an; Vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra án tham nhũng, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Hệ thống Tòa án nhân dân các cấp) [19, tr.45-46].

1.3.3. Điều kiện về quyết tâm chính trị

Điều quan trọng và có ý nghĩa quyết định khởi đầu để thành công, phải biến quyết tâm và hành động chính trị chống tham nhũng của toàn Đảng Nhà nước ta thành quyết tâm và hành động chính trị của tất cả các tổ chức Đảng, cấp ủy, các tổ chức trong hệ thống chính trị, của mọi cán bộ, đảng viên và mọi tầng lớp nhân dân; phải thu hút, huy động được sức mạnh tổng hợp của toàn dân, của cả hệ thống chính trị vào cuộc đấu tranh này. Ở đây, phải thực hiện lời dạy của chủ tịch Hồ Chí Minh: *“Đặt ra kế hoạch thật tốt, thật sát là rất cần, nhưng đó chỉ là bước đầu. Kế hoạch 10 phần thì biện pháp cụ thể phải 20 phần, chỉ đạo thực hiện sát sao phải 30 phần. Có như thế mới chắc chắn hoàn thành tốt kế hoạch”* 15; tr 461]. Đây là nhiệm vụ có ý nghĩa sống còn nhưng cũng hết sức khó khăn, phức tạp, nên càng đòi hỏi quyết tâm rất cao, kiên trì, bền bỉ và một hệ thống biện pháp khả thi. Các cấp ủy, chính quyền các cấp, Mặt trận Tổ Quốc và đoàn thể, các cấp, các ngành... phải đặt nhiệm vụ đấu tranh PCTN là một trong những trọng tâm chỉ đạo, lãnh đạo thường xuyên của mình hiện nay. Phải kiên quyết khắc phục tình trạng “dĩ hòa vi quý”, “né nang, né tránh”, “đánh trống bỏ dùi”, “bắt cóc bỏ dĩa”... làm tê liệt sức chiến đấu trước các hiện tượng tham nhũng; chỉ thấy tham nhũng ở các ngành, địa phương, đơn vị khác mà không thấy, không dám đấu tranh với tệ nạn tham nhũng ngay trong ngành, địa phương, đơn vị mình. Phải lấy thái độ, quyết tâm và kết quả cụ thể trong đấu tranh PCTN làm tiêu chuẩn đánh giá sức chiến đấu, sự trong sạch, vững mạnh của

các tổ chức đảng, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức của mỗi cán bộ, đảng viên.

1.3.4. Điều kiện về sự tham gia của người dân

Chống tham nhũng là một trong những nhiệm vụ quan trọng của toàn Đảng, toàn dân. Việc đấu tranh PCTN phải huy động sức mạnh của toàn bộ hệ thống chính trị; khuyến khích, động viên sự tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân và toàn xã hội. Do đó vai trò và sự tham gia của nhân dân trong PCTN là một yếu tố thiết yếu để PCTN hiệu quả.

Điều 6 Luật PCTN quy định: “*Công dân có quyền phát hiện, tố cáo hành vi tham nhũng; có nghĩa vụ hợp tác giúp đỡ cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc phát hiện, xử lý người có hành vi tham nhũng*”.

Nhằm khuyến khích và đảm bảo việc tham gia chủ động, tích cực, hiệu quả của xã hội trong PCTN, ngày 27 tháng 3 năm 2007, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 47/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật PCTN, về vai trò trách nhiệm của xã hội trong PCTN. Theo Nghị định, công dân có trách nhiệm tham gia PCTN cụ thể như sau:

Thứ nhất, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật về PCTN; lên án, đấu tranh với những người có hành vi tham nhũng; phản ánh với Ban thanh tra nhân dân, tổ chức mà mình là thành viên về hành vi tham nhũng, vụ việc tham nhũng để Ban thanh tra nhân dân, tổ chức đó kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật; cộng tác với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc xác minh vụ việc tham nhũng khi được yêu cầu.

Thứ hai, tố cáo hành vi tham nhũng, khi tố cáo hành vi tham nhũng với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền, công dân phải nêu rõ họ, tên, địa chỉ, nội dung tố cáo và cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo mà mình có được cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền. Người tố cáo được cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo vệ khi bị đe dọa, trả thù, trù dập do việc tố cáo hành vi tham nhũng.

Thứ ba, tham gia PCTN thông qua Ban thanh tra nhân dân, tổ chức mà mình là thành viên. Nhân dân ở xã, phường, thị trấn, cán bộ, công chức, viên chức, người

lao động trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước khi phát hiện hành vi có dấu hiệu tham nhũng, vụ việc tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình có quyền: Phản ánh với Ban thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn hoặc ở cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước nơi mình cư trú hoặc làm việc; Phản ánh với tổ chức mà mình là thành viên. Việc phản ánh của nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về hành vi có dấu hiệu tham nhũng, vụ việc tham nhũng phải khách quan, trung thực.

Thứ tư, kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật về PCTN; góp ý kiến với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc xây dựng các văn bản pháp luật về PCTN.

Kết luận Chương 1

Qua nghiên cứu một số nội dung về lý luận của các biện pháp hành chính trong PCTN, phần nào có thể thấy các biện pháp hành chính, là một công cụ quan trọng trong tổng thể các biện pháp khác trong hệ thống pháp luật có vai trò hết sức quan trọng trong việc đấu tranh, PCTN. Bởi các biện pháp hành chính để đi sâu sát và dễ tiếp cận nhất với cán bộ, công chức – những người có chức vụ, quyền hạn và thường xuyên sử dụng quyền lực nhà nước, những đối tượng duy nhất có thể gây nên hành vi tham nhũng

Mặc dù các biện pháp hành chính chưa phải là biện pháp nghiêm khắc nhất, có vai trò tối ưu nhất trong PCTN, nhưng có tác động rất lớn trong việc ngăn ngừa hành vi tham nhũng.

Việc nghiên cứu các biện pháp hành chính trên khía cạnh lý luận giúp hiểu rõ hơn nguồn gốc, đặc điểm cũng như vai trò quan trọng của biện pháp này. Tuy nhiên, để hoàn thiện các biện pháp hành chính, cần xem xét trên khía cạnh áp dụng và thi hành trong thực tế.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG BIỆN PHÁP HÀNH CHÍNH PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TẠI TỈNH QUẢNG NAM

2.1. Đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội tỉnh Quảng Nam tác động đến biện pháp hành chính phòng, chống tham nhũng

2.1.1. Tác động của yếu tố kinh tế

Điều kiện kinh tế quyết định quyết định động cơ tham nhũng của công chức và quy định các phương tiện PCTN. Nếu kinh tế phát triển, Nhà nước có khoản thu lớn thì có điều kiện nâng cao thu nhập cho cán bộ, công chức, giảm thiểu áp lực thu nhập thấp khiến công chức tham nhũng. Sức mạnh tài chính cũng cho phép Nhà nước thành lập cơ quan độc lập chống tham nhũng và cung cấp phương tiện cho cơ quan này hoạt động tốt hơn.

Ở Việt Nam, các tỉnh nghèo, nguồn thu ngân sách ít, chủ yếu dựa vào phân bổ của Trung ương thường gặp khó khăn, thách thức không nhỏ khi chống tham nhũng, tỉnh Quảng Nam trước nay vẫn được xem là một tỉnh nghèo của cả nước. Có thể kể đến là việc hỗ trợ một phần thu nhập như phụ cấp, thưởng cuối năm cho cán bộ, công chức; thiếu phương tiện kiểm tra, giám sát công chức; chi thường xuyên cho các hoạt động PCTN bằng biện pháp hành chính còn hạn hẹp.

2.1.2. Tác động của yếu tố văn hóa

Ngày 10 tháng 5 năm 2007, Thủ tướng Chính Phủ đã ban hành Quy chế về việc tặng quà, nhận quà và nộp lại quà tặng... như là một biện pháp hành chính nhằm hạn chế và ngăn ngừa các biến chứng của tham nhũng. Tuy nhiên, muốn thực hiện tốt việc này cần xét đến sự tác động yếu tố văn hóa.

Theo đạo lý thông thường, người dân quan niệm *ăn quả nhớ kẻ trồng cây*. Đó là quan niệm đạo lý đã đi sâu vào tiềm thức thành truyền thống. Người dân cảm thấy không yên lòng khi nhận được sự chỉ bảo, giúp đỡ vô tư, tận tình của người khác để vượt qua một khó khăn nào đó, mà rồi khi đạt được thành quả lại ung dung thụ hưởng một mình. Đất và người Quảng Nam cũng không đi ngược truyền thống,

đạo lý đó, thậm chí nét văn hóa ấy còn thể hiện đậm nét hơn bởi người Quảng Nam xưa nay nổi tiếng sâu nghĩa nặng tình. Nhưng qua thời gian, dưới sự tác động của nhiều yếu tố, nét văn hóa thông thường ấy đã bị lợi dụng, làm cho trắng đen lẫn lộn, khó phân biệt. Lâu nay xã hội thường nghe nhắc đến giải pháp lượng hóa món quà: món quà lớn, phong bì dày là biểu hiện của tiêu cực, tham nhũng. Điều này nhìn vào đại thể có lẽ không sai. Nhưng nếu tư duy chỉ đơn giản dùng kết luận mở mức đơn giản như vậy thì hiện thực cuộc sống đã vượt trước tư duy. Dư luận Quảng Nam đã có thời gian dài râm ran câu chuyện về một công ty nọ, nhân ngày sinh nhật của một giám đốc sở đương chức có quyền lực, đã khéo léo đến tặng một món quà rất đặc biệt: một chú chim chào mào hót rất hay; đây là thú vui từ thuở hàn vi, mang giá trị tinh thần lớn nên vị giám đốc sở nọ rất hào hứng và khó có thể từ chối được. Nhưng chỉ sau đó ít lâu, cũng công ty nọ cử người tới mua lại chú chim với giá cao gấp hàng trăm lần giá thị trường; chú chim giờ đã chuyển sang mang giá trị vật chất đặc biệt; và ông giám đốc sở chuyển từ trạng thái vô tư nhận món quà tinh thần đến chỗ không kìm chế được cảm dỗ vật chất quá ngọt ngào khi để người nhà cầm một khoản tiền lớn khi sang nhượng chú chim. Đương nhiên, giám đốc sở nọ cũng ngầm biết mình phải làm gì tiếp theo cho công ty nghĩ ra loại “văn hóa quà biếu” độc đáo như vậy. Tuy chỉ là câu chuyện trong dư luận, nhưng “không có lửa làm sao có khói”, và sở thích “chơi chim” chào mào của vị giám đốc sở đó được công khai qua các cuộc thi chim lớn nhỏ trong cả nước và các cuộc ngã giá chớp nhoáng.

Yếu tố văn hóa mà cụ thể là văn hóa tặng quà đã ảnh hưởng rất nhiều đến các biện pháp PCTN ở Quảng Nam mà biện pháp hành chính có tác động hơn cả.

2.1.3. Tác động của yếu tố xã hội

Trình độ dân trí cao và có ý thức tuân thủ pháp luật là hậu thuẫn vững chắc cho công tác PCTN. Ở những địa phương phát triển, dân cư có khả năng và ý thức tham gia quản lý xã hội nên họ thường xuyên quan tâm đến các thông tin về hoạt động của bộ máy nhà nước. Nếu có thông tin về công chức tham nhũng, họ có ý thức đấu tranh đòi xử lý thích đáng các công chức phạm lỗi. Vì nếu khi công chức có cảm giác làm việc trong môi trường lành mạnh, mỗi hành vi của họ đều đang bị

xã hội giám sát nên họ phải kiềm chế hành vi tham nhũng của mình. Khi công chức tự nguyện không tham nhũng thì nạn tham nhũng ít có cơ hội phát triển.

Ngược lại, nếu địa phương dân trí có trình độ chưa cao, không tự tổ chức thành các tổ chức xã hội có khả năng tham gia quản lý, nhất là ở những nơi dân cư bàng quang với tình hình chính trị, chỉ quan tâm đến lợi ích ngắn hạn của bản thân thì hầu như công chức chỉ chịu sự kiểm soát của nội bộ. Trong bối cảnh đó, công tác PCTN sẽ rất khó khăn do người chống tham nhũng không được hậu thuẫn xã hội, thiếu phương tiện làm việc, còn công chức lại có điều kiện để che giấu hành vi.

Quảng Nam là tỉnh đa dân tộc, có 4 tộc người thiểu số cư trú lâu đời là người Cơ Tu, người Co, người Gié Triêng, người Xê Đăng và một số tộc người thiểu số mới di cư đến với tổng số dân trên 10 vạn người, chiếm 7,2% dân số toàn tỉnh. Với 81,4% dân số sinh sống ở nông thôn, Quảng Nam có tỷ lệ dân số sinh sống ở nông thôn cao hơn tỷ lệ trung bình của cả nước. Lực lượng lao động dồi dào, với trên 887.000 người (chiếm 62% dân số toàn tỉnh), trong đó lao động ngành nông nghiệp chiếm 61,57%, ngành công nghiệp và xây dựng là 16,48% và ngành dịch vụ là 21,95%. Toàn tỉnh có 18 đơn vị hành chính cấp huyện, nhưng có đến 9 đơn vị thuộc huyện miền núi [54]. Hệ thống điện, đường, trường, trạm đã có sự đầu tư nhất định, nhưng vẫn tồn tại những khó khăn. Với đặc điểm dân cư và xã hội như vậy, chưa thể khẳng định Quảng Nam có trình độ dân trí thấp nhưng cũng không thể kết luận rằng có dân trí cao. Người dân quan tâm nhiều đến các thông tin về chính sách kinh tế, an sinh xã hội hơn quyền và nghĩa vụ PCTN.

2.2. Thực trạng tình hình phòng, chống tham nhũng và phòng, chống tham nhũng bằng các biện pháp hành chính tại tỉnh Quảng Nam

2.2.1. Tình hình phòng, chống tham nhũng tại tỉnh Quảng Nam từ năm 2005 đến nay

Từ năm 2005 đến nay, công tác PCTN được tỉnh Quảng Nam triển khai và tổ chức thực hiện tích cực, coi đây là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài, góp phần vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Hầu hết cán bộ, công chức, viên chức giữ vững phẩm chất đạo đức cách

mạng, dũng cảm, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí; thể chế và bộ máy quản lý Nhà nước về công tác PCTN (sau đây viết tắt là PCTN) được củng cố, kiện toàn; các vụ việc, vụ án tham nhũng được phát hiện và xử lý kịp thời, đúng pháp luật góp phần ngăn chặn, hạn chế các hành vi sách nhiễu, tham nhũng, lãng phí, củng cố thêm niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và chế độ XHCN. Tuy nhiên, hành vi tham nhũng trên địa bàn tỉnh vẫn có mức độ nghiêm trọng, xảy ra ở nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều lĩnh vực. Các biện pháp PCTN được triển khai đồng bộ, thường xuyên nhưng hiệu quả chưa thật sự rõ nét, chưa có tác động lớn trên thực tế.

Trong 10 năm, Cơ quan cảnh sát điều tra của tỉnh phát hiện, khởi tố điều tra 46 vụ/74 bị can phạm tội về tham nhũng. Đã kết thúc điều tra 44 vụ/72 bị can. Chuyên Viện Kiểm sát đề nghị truy tố 41 vụ/69 bị can; đình chỉ 02 vụ/02 bị can do được miễn truy cứu trách nhiệm hình sự; tạm đình chỉ 01 vụ/ 01 bị can. Viện Kiểm sát nhân dân hai cấp đã thụ lý 44 vụ/72 bị can; đã truy tố 40 vụ/64 bị can. Viện Kiểm sát đình chỉ: 04 vụ/8 bị can, trong đó: chuyển xử lý hành chính 01 bị can, 02 bị can đã chết, miễn trách nhiệm hình sự 05 bị can. Tòa án nhân dân hai cấp đã thụ lý và giải quyết 65 vụ với 112 bị cáo liên quan đến hành vi phạm tội về tham nhũng; trong đó xét xử 34 vụ/65 bị cáo; trả hồ sơ cho Viện Kiểm sát 31 vụ/47 bị cáo; cấp tỉnh xét xử 14 vụ/34 bị cáo; cấp huyện xét xử 20 vụ/31 bị cáo. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân 2 cấp đã xử phạt tù có thời hạn 44 bị cáo, xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo 19 bị cáo. Tội phạm liên quan đến tham nhũng đã xét xử tập trung tại các địa phương Tam Kỳ, Núi Thành, Tiên Phước, Thăng Bình, Điện Bàn. Hành vi phạm tội tập trung vào các tội tham ô tài sản theo Điều 278 BLHS (20 vụ/34 bị cáo), lợi dụng chức vụ, quyền hạn khi thi hành công vụ theo Điều 281 BLHS (07 vụ/07 bị cáo); lạm dụng chức vụ chiếm đoạt tài sản theo Điều 280 BLHS (04 vụ/04 bị cáo); nhận hối lộ theo Điều 279 BLHS (02 vụ/12 bị cáo); lạm quyền trong khi thi hành công vụ theo Điều 282 BLHS (01 vụ/8 bị cáo) [25, tr 19-20].

2.2.2. Tình hình PCTN bằng các biện pháp hành chính tại tỉnh Quảng Nam

2.2.2.1. Biện pháp phòng ngừa tham nhũng

- Bảo đảm công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị:

Thực hiện các quy định của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương về nội dung, hình thức công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị. UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị, địa phương tập trung công khai, minh bạch các chính sách, quy trình, thủ tục giải quyết công việc; công khai việc sử dụng ngân sách, tài sản công, đất đai, quản lý khoáng sản; thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; công khai, minh bạch trong sử dụng vốn ngân sách Nhà nước; tiếp tục thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/01/2005 và Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ, Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Thực hiện tốt các quy định về quản lý kinh tế, sử dụng đất đai, công sở; quản lý đầu tư xây dựng cơ bản; hoạt động mua sắm công và công tác thu, chi ngân sách; quản lý, sử dụng kinh phí chương trình mục tiêu, chương trình quốc gia, kinh phí nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên; cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; quản lý vốn, tài sản của nhà nước và nhân sự trong doanh nghiệp có vốn nhà nước. UBND tỉnh đã tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2001-2010 và phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2011-2020.

- Công khai, minh bạch trong quản lý nhà nước về các lĩnh vực đất đai; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường; công khai, minh bạch trong thực hiện các dự án đầu tư, hoạt động đấu thầu sử dụng ngân sách nhà nước

+ UBND tỉnh chỉ đạo các các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã thường xuyên tiến hành rà soát, đánh giá và thực hiện các quy định về đơn giản hoá TTHC và tiến hành công khai theo quy định. Tiếp tục duy trì việc thực hiện Bộ TTHC theo Quyết định số 2686/QĐ-UBND ngày 13/8/2009; Quyết định số

1067/QĐ-UBND ngày 30/3/2010; Quyết định số 3950/QĐ-UBND ngày 05/12/2011; Quyết định số 1056/QĐ-UBND ngày 05/4/2013; Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 07/01/2015 của UBND tỉnh công bố và công bố bổ sung, huỷ bỏ một số thủ tục hành chính thuộc bộ thủ tục của Sở Tài nguyên và Môi trường, tổng số thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường đang thực hiện là 70 thủ tục, trong đó: Lĩnh vực đo đạc bản đồ: 02 thủ tục; Lĩnh vực Thanh tra: 02 thủ tục; Lĩnh vực Tài nguyên nước 10 thủ tục; Lĩnh vực Bảo vệ môi trường: 09 thủ tục; Lĩnh vực đất đai: 29 TTHC; Lĩnh vực khoáng sản: 13 thủ tục; lĩnh vực biển và hải đảo: 05 thủ tục.

+ UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3228/QĐ-UBND ngày 09/9/2015 ban hành danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Nam. Chỉ đạo các đơn vị, địa phương công khai quy trình về trình tự thủ tục hồ sơ, hệ thống biểu mẫu, mức thu phí, lệ phí đối với từng loại hồ sơ tại Phòng Tiếp nhận và trả hồ sơ tại các đơn vị trực thuộc, nơi có quan hệ giao dịch giải quyết các loại thủ tục hành chính. Đồng thời, tiến hành công khai các loại thủ tục hành chính trên Website của các đơn vị, địa phương để mọi cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ, tra cứu thuận lợi và nhanh nhất, hạn chế thời gian đi lại giao dịch.

+ Đã chỉ đạo các đơn vị, địa phương thực hiện việc công khai trong việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu theo Thông tư liên tịch số 20/2010/TTLT-BKH-BTC của Bộ Kế hoạch & Đầu tư và Bộ Tài chính năm 2010; Thông tư Liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC của Bộ Kế hoạch & Đầu tư và Bộ Tài chính năm 2015 và các văn bản hướng dẫn của Bộ kế hoạch và Đầu tư.

- Xây dựng và thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn về tài chính và quản lý, sử dụng tài sản công (gắn với kết quả thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí)

UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tổ chức truyền truyền, triển khai thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 29/11/2005; Quyết định số 25/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định số 68/2006/NĐ-CP ngày 18/7/2006 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Thực hành tiết kiệm,

chống lãng phí và Thông tư số 76/2006/TT-BTC ngày 22/8/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 68/2006/NĐ-CP; Nghị định số 84/2006/NĐ-CP ngày 18/8/2006 của Chính phủ, Thông tư số 98/2006/TT-BTC ngày 20/10/2006 và Thông tư số 101/2006/TT-BTC ngày 31/10/2006 của Bộ Tài chính về hướng dẫn bồi thường thiệt hại, xử lý, kỷ luật, xử phạt hành chính trong lĩnh vực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Quán triệt đến toàn thể CB,CC,VC các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, chú trọng lĩnh vực quản lý thu, chi ngân sách nhà nước, quản lý tài sản công và gắn với việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”.

Triển khai thực hiện tốt cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 đối với các Sở, ban ngành, đơn vị quản lý hành chính. Ngoài ra, việc tổ chức hội, họp của các cơ quan hành chính, sự nghiệp thuộc tỉnh và UBND các cấp đã được phát huy theo hướng giảm các cuộc họp không cần thiết, nâng cao chất lượng và hiệu quả cuộc họp trên tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí tại Điều 4, Quyết định số 114/QĐ-TTg ngày 25/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

Việc mua sắm trang thiết bị của các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh Quảng Nam tuân thủ theo trình tự mua sắm và thực hiện thẩm định giá theo quy định. Việc mua sắm xe ô tô mới phục vụ công tác, thay thế xe ô tô đủ điều kiện thanh lý chỉ áp dụng đối với những chức danh có tiêu chuẩn; đơn vị mới thành lập và các đơn vị hoạt động trên địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo và đặc biệt khó khăn sau khi đã sắp xếp lại (điều chuyển từ nơi thừa sang nơi thiếu, tiếp tục sử dụng xe vẫn đủ điều kiện lưu hành). UBND tỉnh Quảng Nam đã triển khai tương đối tốt Quy chế tổ chức mua sắm tài sản, hàng hoá từ NSNN theo phương thức tập trung ban hành kèm theo Quyết định số 179/2007/QĐ-TTg ngày 26/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 222/2008/TT-BTC ngày 10/3/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Quy chế tổ chức mua sắm tài sản, hàng hoá từ NSNN theo phương thức tập trung ban hành kèm theo Quyết định số 179/2007/QĐ-

TTg ngày 26/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ, qua đó tiết kiệm được về thời gian, chi phí cho việc tổ chức mua sắm tài sản, từng bước chuyên nghiệp hoá công tác mua sắm tài sản nhà nước. Tài sản mua sắm tập trung bảo đảm được tính đồng bộ, phù hợp với yêu cầu, nội dung hoạt động và quá trình cải cách hành chính nhà nước, cải cách tài chính công; cơ chế công khai, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm được quy định chặt chẽ, góp phần khắc phục tình trạng mua sắm, trang bị tài sản vượt tiêu chuẩn, định mức. Số tài sản này được điều chuyển cho các cơ quan nhà nước để quản lý, sử dụng bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu công tác của các đơn vị trong bối cảnh thực hiện tạm dừng mua sắm tài sản để kiềm chế lạm phát theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 của Chính phủ.

Phần lớn các cơ quan, đơn vị thực hiện thanh toán tiền lương, phụ cấp, công tác phí, mua sắm tài sản, các khoản chi ngân sách theo đúng chế độ, định mức, tiêu chuẩn quy định. Việc chấp hành các khoản thu chi ngân sách thường xuyên được kiểm tra, đánh giá thông qua công tác thanh tra, kiểm tra của cơ quan tài chính và sự kiểm soát của Kho bạc Nhà nước góp phần giúp cho các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng chế độ, định mức, tiêu chuẩn phòng ngừa tham nhũng.

Trong 10 năm qua, toàn tỉnh đã ban hành 121 văn bản mới; hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung 12 văn bản. Đã tiến hành 2.361 cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn. Qua kiểm tra đã phát hiện 110 vụ việc vi phạm chế độ, định mức, tiêu chuẩn; tiến hành xử lý 10 đối tượng vi phạm, trong đó xử lý kỷ luật 09 đối tượng, xử lý hình sự 01 đối tượng; kiến nghị thu hồi và bồi thường là 11.946.315.136 đồng, đã thu hồi 5.752.185.137 đồng.

- Công tác cải cách hành chính góp phần phòng ngừa tham nhũng

Ngày 29/3/2012, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1009/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2011-2015. Căn cứ kế hoạch cải cách hành chính tỉnh, 100% các Sở, Ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố đã ban hành kế hoạch cải cách hành chính của đơn vị, địa phương. Kế hoạch cải cách hành chính của đa số cơ quan, đơn vị có chuyển biến rõ rệt về chất lượng, cụ thể hóa được các nhiệm vụ, sản phẩm, tiến độ và phân công trách nhiệm thực hiện.

Một số địa phương, đơn vị xây dựng kế hoạch cải cách hành chính có chất lượng khá tốt như Sở Công Thương, Sở Giao thông và Vận tải, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Y tế, Sở Tư pháp, Sở Ngoại vụ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc, Ban Quản lý khu KTM Chu Lai, UBND các huyện Phú Ninh, Duy Xuyên, Quế Sơn, Điện Bàn, Đại Lộc, Núi Thành, Phước Sơn, Tiên Phước và thành phố Tam Kỳ, Hội An...

Thực hiện Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông”; Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương thay thế Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22/6/2007 và hướng dẫn của Bộ Nội vụ tại văn bản số 1963/BNV-CCHC ngày 08/5/2015; UBND tỉnh Quảng Nam đã triển khai thực hiện và đạt được nhiều kết quả quan trọng trong việc phòng ngừa tham nhũng. Công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh đã tạo ra những tác động tích cực, góp phần thay đổi cơ bản mối quan hệ giữa chính quyền và người dân, tổ chức; tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp khi đến giao dịch với cơ quan hành chính, giảm được tình trạng phải đi lại nhiều lần như trước đây. Thông qua đó, tạo điều kiện để chính quyền gần dân, sát dân hơn; chống tệ quan liêu, cửa quyền, hách dịch; nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương; từng bước tách dần công việc quản lý chuyên sâu với các công việc sự vụ nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước, giải quyết tốt nhất các công việc liên quan tới cá nhân và tổ chức. Đồng thời, tạo cơ chế phối hợp chặt chẽ trong hoạt động quản lý nhà nước, giúp lãnh đạo cơ quan hành chính các cấp có điều kiện tăng cường kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động của các bộ phận trong cơ quan. Mặt khác, người dân có thể phát huy quyền dân chủ của mình, tăng cường sự giám sát của nhân dân đối với hoạt động của cơ quan nhà nước và đội ngũ cán bộ, công chức.

Ngoài ra, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 786/QĐ-UBND ngày 10/3/2015 thành lập Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh.

- Công tác tuyên truyền cải cách hành chính

Công tác thông tin tuyên truyền cải cách hành chính tập trung vào 2 nhóm đối tượng chính là người dân, tổ chức, doanh nghiệp và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; nội dung tuyên truyền tập trung vào nhu cầu thông tin về quyền, lợi ích, nghĩa vụ của người dân, doanh nghiệp và trách nhiệm phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

UBND tỉnh phối hợp với Báo Công Thương tuyên truyền trên ấn phẩm Kinh tế Việt Nam với chuyên đề Quảng Nam cải cách để phát triển. Sở Nội vụ đã phối hợp với Công đoàn viên chức tỉnh xây dựng Chương trình phối hợp tuyên truyền cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2015 và Kế hoạch phối hợp tuyên truyền cải cách hành chính năm 2015; tổ chức tọa đàm với chủ đề “ Vai trò của Công đoàn cơ sở với công tác cải cách hành chính”.

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tiếp tục thực hiện cải cách các thủ tục hành chính; thực hiện niêm yết công khai các mức thu phí, lệ phí, thời hạn giải quyết cho mỗi loại hồ sơ giấy tờ theo quy định.

- Thực hiện công khai, minh bạch trong tuyển dụng, bố trí, quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ

Thực hiện Luật Cán bộ, công chức năm 2008, trong những năm qua, UBND tỉnh đã phân cấp, giao quyền cho các đơn vị, địa phương và các đơn vị sự nghiệp công lập trong việc tuyển dụng, xét tuyển viên chức, quản lý tổ chức, bộ máy, biên chế, tiền lương. Công tác tuyển dụng, quy hoạch, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ, công chức được thực hiện công khai, dân chủ đúng quy định. Nhằm đổi mới công tác đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức, Sở Nội vụ phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng phần mềm đánh giá công chức theo kết quả và triển khai thí điểm tại một số Sở, ngành từ quý IV năm 2015.

UBND tỉnh chỉ đạo đơn vị, địa phương thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của CB,CC,VC qua đó chủ động sắp xếp, điều

chuyển kịp thời những trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ hoặc kết quả công việc đạt chất lượng không cao; chấp hành tốt quy định về giảm thời gian hội họp, tập trung vào nhiệm vụ chuyên môn, ngày công, giờ công, đảm bảo chế độ làm việc, hoàn thành nhiệm vụ chính trị của từng đơn vị, địa phương theo quy định.

Các đơn vị, địa phương đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng cần thiết cho CB,CC,VC phù hợp với nhu cầu thực tế của từng đơn vị, địa phương. Các cơ quan chuyên môn tham mưu công tác quy hoạch các chức danh thuộc diện cấp ủy quản lý đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dự nguồn đảm bảo đúng đối tượng nhằm đáp ứng khi có yêu cầu bố trí, đề bạt.

Tiếp tục thực hiện tuyển chọn các chức danh lãnh đạo, quản lý thông qua hình thức thi tuyển theo Quyết định số 2222/QĐ-UBND ngày 19/7/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc ban hành Đề án thi tuyển chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Trong năm 2015, UBND tỉnh tổ chức triển khai trắc nghiệm trên máy tính đối với kỳ thi nâng ngạch nhân viên lên cán sự, cán sự lên chuyên viên trên năm 2015 cho 331 cán bộ, công chức.

- Thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức

Sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 quy định danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với CB,CC,VC (được sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Nghị định số 150/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013); Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 19/CT-UBND ngày 29/5/2008 triển khai thực hiện Nghị định số 158/2007/NĐ-CP của Chính phủ; UBND tỉnh ban hành Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 26/01/2010 quy định tạm thời Danh mục các vị trí công tác định kỳ thực hiện chuyển đổi đối với công chức, viên chức thuộc UBND huyện, thành phố, Sở, Ban, ngành tỉnh Quảng Nam. Các đơn vị, địa phương đã xây dựng kế hoạch và lập danh sách CB,CC,VC phải chuyển đổi vị trí công tác trong từng cơ quan, công khai đối

tượng và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với CB,CC,VC thuộc đơn vị, địa phương. Kết quả trong 10 năm, toàn tỉnh đã có 486 CB,CC,VC được chuyển đổi công tác.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện có những khó khăn, vướng mắc như: đối tượng định kỳ phải chuyển đổi ở một số vị trí chưa phù hợp; một số nơi còn nhầm lẫn giữa luân chuyển, điều động cán bộ với chuyển đổi vị trí công tác; một số đơn vị, địa phương thực hiện việc chuyển đổi mang tính hình thức, chưa chú trọng mục đích phòng ngừa tham nhũng.

- Xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công vụ của cán bộ, công chức

Việc triển khai thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức theo Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV ngày 26/02/2007 của Bộ Nội vụ được thực nghiêm túc tại cơ quan, đơn vị thông qua các hoạt động thường xuyên. Các cơ quan, đơn vị đều xây dựng, ban hành và niêm yết nội quy, quy chế làm việc của từng cơ quan, đơn vị. Trong quy chế và nội quy có cụ thể hóa những quy định về những việc cán bộ, công chức, viên chức phải làm; những việc cán bộ, công chức, viên chức không được làm; trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và của cơ quan, đơn vị. Đã tiến hành kiểm tra đối với 356 đơn vị về thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức.

- Việc tặng quà, nhận quà và nộp lại quà tặng

Thực hiện Quyết định số 64/2007/QĐ-TTg, ngày 10/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế về việc tặng quà, nhận quà tặng và nộp lại quà tặng của cơ quan, tổ chức, đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước và của cán bộ, công chức, viên chức, trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh Quảng Nam chưa phát hiện trường hợp nào thực hiện trái quy định.

- Việc thực hiện trách nhiệm giải trình trong thực thi nhiệm vụ, công vụ:

Đã tổ chức tuyên truyền và chỉ đạo các đơn vị, địa phương tuyên truyền Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013 của Chính phủ về trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và Thông tư số 02/2014/TT-TTCP ngày 29/4/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định

chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013 của Chính phủ.

Tuy nhiên, trong thời gian qua, trên địa bàn tỉnh Quảng Nam chưa phát sinh đơn yêu cầu giải trình, vì vậy chưa phát sinh trường hợp nào phải giải trình của các cơ quan Nhà nước.

- Xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng; việc tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển vị trí công tác khi có dấu hiệu tham nhũng

Trong những năm qua, UBND tỉnh Quảng Nam đã triển khai phổ biến, tuyên truyền Nghị định số 107/2006/NĐ/CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, Thông tư số 08/2007/TT-BNV hướng dẫn việc xử lý trách nhiệm của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng đối với các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp Nhà nước, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp có sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước. Qua đó, người đứng đầu các đơn vị, địa phương đã nhận thức đầy đủ hơn về vai trò, trách nhiệm của mình trong việc triển khai thực hiện; xây dựng các quy chế, quy định, các giải pháp, kế hoạch cụ thể trong quản lý, điều hành, quản lý đội ngũ CB,CC,VC thuộc quyền quản lý và các nguồn kinh phí, vốn, tài sản. Qua công tác thanh tra kinh tế - xã hội, thanh tra PCTN, các cơ quan chức năng đã phát hiện 16 cơ quan, đơn vị để xảy ra tham nhũng; đã kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý kỷ luật trách nhiệm 16 người đứng đầu cơ quan, đơn vị để xảy ra tham nhũng.

Việc xử lý trách nhiệm người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng đã có tác dụng đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, đồng thời có tác dụng răn đe nhất định, nhưng thực tế số người đứng đầu bị xử lý còn ít so với số vụ việc tham nhũng được phát hiện, xử lý; còn có sự nhầm lẫn giữa xử lý người đứng đầu khi có sai phạm và xử lý trách nhiệm khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách. Nguyên nhân là do còn có sự nể nang, né tránh trong xử

lý, cùng với những quy định về phân cấp và quản lý cán bộ hiện nay chưa rõ ràng và thiếu hướng dẫn cụ thể.

Theo số liệu thống kê tổng kết 10 năm thực hiện Luật PCTN trên địa bàn tỉnh cho thấy số vụ tham nhũng và đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện chủ yếu là qua công tác thanh tra, điều tra, qua đơn tố cáo và giám sát của các cơ quan chức năng. Số vụ tham nhũng và đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua tự kiểm tra nội bộ là rất ít (02 vụ).

- Thực hiện quyền tự chủ về tài chính, biên chế và giao khoán kinh phí hoạt động cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị có đủ điều kiện; thực hiện việc trả lương qua tài khoản cho các đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước

Thực hiện Chỉ thị số 20/2007/CT-TTg ngày 24/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ về trả lương qua tài khoản cho các đối tượng hưởng lương từ ngân sách; Thông tư số 164/2011/TT- BTC ngày 17/11/2011 của Bộ Tài chính quy định quản lý thu chi bằng tiền mặt qua hệ thống kho bạc Nhà nước và Nghị định số 222/2013/NĐ-CP ngày 31/12/2013 của Chính phủ về thanh toán tiền mặt, đến nay, hầu hết các đơn vị, địa phương đã thực hiện trả lương và các khoản thu nhập khác vào tài khoản cá nhân cho CB,CC,VC qua hệ thống ATM của các Ngân hàng. Việc thanh quyết toán các nguồn kinh phí thuộc ngân sách Nhà nước đều được Kho bạc Nhà nước kiểm soát, theo dõi, quản lý, đối chiếu theo quy định, hạn chế thấp nhất việc giao dịch bằng tiền mặt nhằm ngăn ngừa tiêu cực. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Đề án thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2006 - 2010 và định hướng đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 291/2006/QĐ-TTg ngày 29/12/2006.

- Thực hiện các quy định về minh bạch về tài sản thu nhập

UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra và giao Thanh tra tỉnh đôn đốc các đơn vị, địa phương thực hiện việc kê khai minh bạch tài sản, thu nhập trên địa bàn tỉnh. Thanh tra tỉnh, Sở Nội vụ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch phối hợp trong công tác kê khai, xác minh tài sản, thu nhập, kết luận và công khai bản kết luận về sự minh bạch trong kê khai tài sản, thu nhập.

Đồng thời, hướng dẫn Thanh tra, Phòng Nội vụ các huyện, thành phố, thị xã; Ban Tổ chức và Ủy ban Kiểm tra các Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy xây dựng và ban hành Kế hoạch phối hợp ở cấp huyện, thành phố, thị xã.

Công tác kê khai minh bạch tài sản, thu nhập trên địa bàn tỉnh qua các năm được thực hiện đúng quy trình, thủ tục và thực hiện tốt chế độ báo cáo với Chính phủ, Thanh tra Chính phủ. Kết quả kê khai tài sản, thu nhập năm 2014 như sau:

Tổng số cơ quan, đơn vị, địa phương (sau đây gọi tắt là đơn vị) phải thực hiện kê khai minh bạch tài sản, thu nhập năm 2014 trên địa bàn tỉnh là 93 đơn vị, trong đó: 53 đơn vị báo cáo về Thanh tra tỉnh; 40 đơn vị báo cáo về Sở Nội vụ.

Tính đến ngày 26/3/2015 có 93/93 đơn vị báo cáo đã triển khai thực hiện việc kê khai minh bạch tài sản, thu nhập năm 2014 đạt tỷ lệ 100%.

+ Tổng số người phải kê khai: 11.835 người.

+ Đã thực hiện kê khai: 11.835 người.

+ Chưa thực hiện kê khai: 0 người.

+ Có 93/93 đơn vị đã thực hiện công khai bản kê khai.

+ Tổng số người công khai theo hình thức niêm yết: 4.471 người.

+ Tổng số người công khai theo hình thức công bố tại cuộc họp: 7.364 người.

Trong 10 năm, số trường hợp CB,CC,VC được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập trên toàn tỉnh là 72 người, không có trường hợp nào bị kết luận kê khai không trung thực.

Thanh tra tỉnh đã tổ chức Hội nghị triển khai Nghị định số 68/2011/NĐ-CP ngày 08/8/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09/3/2007 của Chính phủ về kê khai minh bạch tài sản; Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập; Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập đến đối tượng là lãnh đạo Thanh tra các Sở, ban, ngành; Thanh tra các huyện, thành phố để thực hiện. Hằng năm, Thanh tra tỉnh đều mở lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra cho các đối tượng là Chánh Thanh tra (hoặc Phó Chánh thanh tra) và 01 Thanh tra

viên (hoặc chuyên viên) Thanh tra sở, ban, ngành; Chánh Thanh tra (hoặc Phó Chánh thanh tra) và 02 Thanh tra viên (hoặc Chuyên viên, nhân viên hợp đồng làm công tác thanh tra) tại Thanh tra huyện, thành phố, thị xã; Chuyên viên, nhân viên hợp đồng làm công tác thanh tra của Thanh tra tỉnh.

- Hoàn thiện và thực hiện các quy định về quản lý kinh tế - xã hội phục vụ công tác PCTN:

Tập trung đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001 - 2008 tại các cơ quan; khai thác, sử dụng có hiệu quả các trang thông tin điện tử để giảm thiểu chi phí và thời gian trong xử lý công việc tại các cơ quan, đơn vị, góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý điều hành cũng như vai trò, trách nhiệm của cán bộ, công chức.

UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 16/CT-UBND ngày 06/8/2015 Tiếp tục đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Quảng Nam; Chỉ thị số 23/CT-UBND ngày 06/10/2014 về tập trung nâng cao và cải thiện chỉ số cải cách hành chính; Công văn số 789/UBND-NC ngày 03/3/2015 chỉ đạo các Sở, Ban, ngành, huyện, thành phố triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2014 theo Quyết định số 2990/QĐ-UBND ngày 01/10/2013 ban hành Quy định theo dõi, đánh giá xếp hạng kết quả cải cách hành chính các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 26/01/2015 phê duyệt Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2015; Kế hoạch số 856/KH-UBND ngày 09/3/2015 đơn giản hóa thủ tục hành chính năm 2015.

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tiếp tục thực hiện cải cách các thủ tục hành chính; thực hiện niêm yết công khai các mức thu phí, lệ phí, thời hạn giải quyết cho mỗi loại hồ sơ giấy tờ theo quy định.

Nhằm tiếp tục tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch và hấp dẫn, góp phần thu hút đầu tư, khuyến khích và thúc đẩy các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, tỉnh đã thực hiện nhiều giải pháp tích cực về cải

cách thủ tục hành chính, ban hành các cơ chế chính sách hỗ trợ doanh nghiệp. UBND tỉnh tổ chức Hội nghị phân tích Chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Quảng Nam năm 2014 và bàn giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh năm 2015 và các năm tiếp theo; ban hành Chỉ thị số 16/CT-UBND ngày 06/8/2015 về tiếp tục đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh. Ngoài ra, tỉnh còn tổ chức hội nghị thường niên và định kỳ hàng tháng đối thoại với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để tăng cường đối thoại, trao đổi thông tin; thành lập Cổng thông tin hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh tại địa chỉ www.htdn.ipaquangnam.gov.vn nhằm giải đáp kịp thời những kiến nghị, phản ánh vướng mắc của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Đây được xem là kênh thông tin quan trọng để lãnh đạo tỉnh lắng nghe, nắm bắt tình hình thực tiễn về đầu tư phát triển, về hoạt động sản xuất, kinh doanh. Qua đó, cùng tìm các biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo kịp thời đối với các nhiệm vụ trọng tâm, ưu tiên để tạo đột phá như: ban hành Quyết định số 4304/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 Quy định cơ quan tiếp nhận, trả kết quả, thời gian thực hiện thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 2031/QĐ-UBND ngày 08/6/2015 Quy định về trách nhiệm công khai xin lỗi của cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh trong giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; Quyết định số 2121/QĐ-UBND ngày 16/6/2015 Quy định tiếp nhận, trả kết quả tiếp nhận thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức qua dịch vụ bưu chính; Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 02/02/2015 ban hành Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

- Các giải pháp đổi mới công nghệ quản lý và hạn chế tiêu dùng tiền mặt

UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2657/QĐ-UBND ngày 30/7/2015 phê duyệt Đề án thành lập Cổng thông tin điện tử cải cách hành chính tỉnh nhằm hình thành đầu mối thống nhất của tỉnh Quảng Nam trên mạng Internet để thông tin,

tuyên truyền các chủ trương, chính sách, giải pháp của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về cải cách hành chính, cập nhật thông tin và tình hình, kết quả cải cách hành chính, cung cấp cơ sở dữ liệu về cải cách hành chính, cơ sở dữ liệu về thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến, điều hành cải cách hành chính, kiểm soát quá trình giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, chia sẻ sáng kiến kinh nghiệm, khảo sát mức độ hài lòng, thực hiện tương tác mạnh mẽ với tổ chức, cá nhân để thúc đẩy tiến trình cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

- Về cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Công tác tổ chức bộ máy được UBND tỉnh tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện, triển khai kịp thời các văn bản pháp luật hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện. Trên cơ sở quy định mới về chức năng, nhiệm vụ của các ngành, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường và Thanh tra tỉnh; thành lập Trung tâm Phát triển quỹ đất Quảng Nam, trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường và Trung tâm Phát triển quỹ đất các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; thành lập Văn phòng Đăng ký đất đai Quảng Nam, trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, trên cơ sở hợp nhất Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường và Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; bổ sung chức năng, nhiệm vụ đối với Chi cục quản lý đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Thực hiện các quy định của pháp luật và chỉ đạo của UBND tỉnh về việc kiện toàn, tổ chức lại các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh, Sở Nội vụ đang phối hợp các địa phương, đơn vị rà soát, nắm tổ chức bộ máy và tình hình hoạt động của các Ban Quản lý đầu tư; tổng hợp, xây dựng phương án báo cáo UBND tỉnh.

2.2.2.2. Biện pháp phát hiện tham nhũng

Qua 10 năm, công tác phát hiện tham nhũng ở tỉnh Quảng Nam có những kết quả ghi nhận:

- Qua tự kiểm tra nội bộ đã phát hiện được 8 vụ (16 người).
- Qua công tác thanh tra đã phát hiện được 30 vụ (60 người).
- Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo đã phát hiện được 26 vụ (30 người)

[27]

Qua thanh tra đã kiến nghị các địa phương, đơn vị triển khai các giải pháp để phòng, chống tham nhũng một cách đồng bộ như: Thực hiện chương trình cải cách hành chính; tuyên truyền, phổ biến Luật PCTN; phát huy vai trò làm chủ của quần chúng nhân dân và các tổ chức xã hội, Mặt trận tổ quốc Việt Nam, các cơ quan báo, chí; tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra xử lý các vụ việc tiêu cực, tham nhũng; tập trung chỉ đạo xử lý dứt điểm các vụ việc tham nhũng đã phát hiện. Đồng thời xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện Luật PCTN; đưa công tác PCTN thành nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của các cấp, các ngành và của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, CBCCVN và của nhân dân về công tác PCTN.

Hàng năm, căn cứ quy định tại Nghị định số 120/2006/NĐ-CP ngày 20/10/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật PCTN; Nghị định số 59/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng, thay thế cho Nghị định số 120/2006/NĐ-CP ngày 20/10/2006, Thanh tra tỉnh đã ban hành văn bản chỉ đạo Thanh tra các Sở, ban, ngành; Thanh tra các huyện, thành phố tham mưu Thủ trưởng cơ quan Nhà nước cùng cấp dự thảo kế hoạch thanh tra PCTN hằng năm và gửi xin ý kiến Thanh tra tỉnh trước khi tham mưu Thủ trưởng cơ quan Nhà nước cùng cấp phê duyệt kế hoạch. Vì vậy, công tác thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về PCTN hằng năm được duy trì thường xuyên, đảm bảo các đơn vị, địa phương đều có triển khai và không có sự chông chéo.

Trong 10 năm qua, toàn ngành Thanh tra tỉnh đã triển khai 442 cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về PCTN (cấp sở 223, cấp huyện 219). Các cuộc thanh tra, kiểm tra hầu hết kết thúc trước thời gian theo quy định; các kết luận, kiến nghị thanh tra, kiểm tra đều được đơn vị, địa phương thống nhất cao và nghiêm túc

thực hiện. Qua công tác thanh tra, kiểm tra đã chỉ ra được những tồn tại, thiếu sót trong quá trình thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN của đơn vị, địa phương và trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị, địa phương với quan điểm tăng cường công tác phòng ngừa tham nhũng là chính. Đồng thời giúp người đứng đầu các đơn vị, địa phương xác định được tầm quan trọng của công tác PCTN trong giai đoạn hiện nay; xác định được tồn tại, hạn chế thuộc về trách nhiệm của người đứng đầu để có hướng khắc phục.

2.2.2.3. Biện pháp xử lý tham nhũng

Qua công tác phát hiện hành vi tham nhũng, UBND tỉnh đã tiến hành xử lý kỷ luật hành chính 21 vụ (35 người).

Đã tiến hành xử lý kỷ luật 16 người đứng đầu do để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, đơn vị do mình phụ trách.

Thu hồi 70.137.000.000 (bảy mươi tỷ, một trăm ba mươi bảy triệu đồng) và 3.645.969 m² đất, chỉ được một nửa so với tổng số thiệt hại [27; tr.13, phụ lục 1a].

2.3. Nhận xét chung về các biện pháp hành chính Phòng, chống tham nhũng tại tỉnh Quảng Nam

2.3.1. Kết quả đạt được và nguyên nhân

- UBND tỉnh đã xây dựng, ban hành kế hoạch thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng theo quy định pháp luật và theo hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ.

- Đã áp dụng, thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong hoạt động quản lý khi phát sinh các tình huống thực tế mà theo quy định của pháp luật phải áp dụng thực hiện.

- Các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh đã ban hành các văn bản quy định về cơ chế thu thập thông tin, kiểm tra, xử lý các trường hợp không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc thực hiện không kịp thời các biện pháp phòng ngừa tham nhũng.

- Hằng năm, Thủ trưởng cơ quan nhà nước các cấp đã chỉ đạo các cơ quan trực thuộc xây dựng, phê duyệt ban hành các kế hoạch kiểm tra định kỳ, thường xuyên

kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân, cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý.

- UBND tỉnh; các Sở, ngành; UBND các huyện, thành phố đã xây dựng, ban hành và triển khai 100% kế hoạch công tác thanh tra hằng năm, trong đó có nội dung thanh tra hành chính hoặc thanh tra đột xuất nhằm phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng.

- Công tác xây dựng lực lượng chuyên trách trong các cơ quan phòng, chống tham nhũng được quan tâm củng cố, từ đó đã từng bước phát huy hiệu quả, phát hiện được nhiều vụ việc tham nhũng trong nhiều lĩnh vực như quản lý hành chính trong lĩnh vực đất đai, trong quản lý tài chính ngân sách, ngân hàng, các hành vi nhũng nhiễu, hối lộ cũng đã được phát hiện khá kịp thời, từ đó đã cơ bản kiểm soát được tình hình tham nhũng.

- Các vụ việc tham nhũng được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh chỉ đạo xử lý quyết liệt, mức án dành cho các đối tượng tham nhũng được tuyên nghiêm khắc, đúng pháp luật, thể hiện sự nghiêm minh trong xử lý, đồng thời thông qua đó tạo được sự đồng thuận trong dư luận xã hội, được nhân dân đồng tình ủng hộ cũng như đạt được tính răn đe đối với các đối tượng khác.

Nguyên nhân có những kết quả này là do sự tập trung chỉ đạo, lãnh đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, các cấp ủy đảng và chính quyền tổ chức thực hiện thường xuyên, liên tục các giải pháp, biện pháp mà biện pháp hành chính luôn được quan tâm, chú trọng.

2.3.2. Hạn chế, bất cập và nguyên nhân

2.3.2.1. Về các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

- *Thứ nhất*, công tác cải cách hành chính đã được triển khai thực hiện hầu hết ở các đơn vị, địa phương nhưng kết quả chưa cao; một số nơi chưa đổi mới cách làm, còn gây khó khăn, phiền hà trong giải quyết công việc của người dân, tổ chức, doanh nghiệp; một bộ phận CB,CC,VC còn có thái độ nhũng nhiễu, cửa quyền trong thi hành nhiệm vụ.

- *Thứ hai*, tinh thần, ý thức trách nhiệm trong công việc của một số CB,CC,VC

chưa tận tâm, tận lực với nhiệm vụ được giao, chưa thật sự là công bộc của dân; cá biệt một số CB,CC,VC còn lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vụ lợi, tham ô tài sản gây bất bình trong nhân dân, làm giảm lòng tin đối với Đảng, Nhà nước.

- *Thứ ba*, việc kê khai tài sản, thu nhập của CB,CC,VC có nơi triển khai thực hiện chưa nghiêm túc. Một số đối tượng thuộc diện kê khai tài sản, thu nhập còn thờ ơ, xem nhẹ hoặc nhận thức chưa đúng về trách nhiệm và nghĩa vụ kê khai, nên việc kê khai chậm trễ, kê khai quá sơ sài làm ảnh hưởng tiến độ theo quy định.

2.3.2.2 Về biện pháp phát hiện tham nhũng

Thứ nhất, hoạt động của Thanh tra chưa đáp ứng được yêu cầu cấp thiết PCTN, chủ yếu thực hiện công tác thống kê, báo cáo, chưa mạnh dạn thực thi công vụ PCTN theo thẩm quyền.

Thứ hai, một số đơn vị, địa phương còn xem nhẹ việc kiểm tra và tự kiểm tra, việc đôn đốc và chỉ đạo thực hiện. Các vụ việc tham nhũng tại đơn vị, địa phương được phát hiện, xử lý chủ yếu thông qua việc thanh tra, điều tra, báo chí đưa tin và đơn thư tố cáo; việc phát hiện tham nhũng hoặc người có hành vi tham nhũng thông qua hình thức tự kiểm tra nội bộ của các đơn vị, địa phương là không có.

2.3.2.3. Về biện pháp xử lý tham nhũng

Hiệu quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua công tác thanh tra chưa cao; hiệu lực các kết luận, kiến nghị, quyết định về thanh tra còn thấp, nhất là việc thu hồi tiền, tài sản về tham nhũng; ngành thanh tra tiến hành nhiều cuộc thanh tra, phát hiện nhiều sai phạm, nhưng phát hiện tham nhũng còn ít.

Việc xử lý kỷ luật chưa có tác dụng răn đe, rất ít trường hợp xử lý kỷ luật với hình thức cách chức, đa số là cảnh cáo hoặc khiển trách [nguồn do học viên tự thu thập]

** Nguyên nhân của hạn chế*

Một là, nhiều cấp ủy, tổ chức Đảng, người đứng đầu chưa thực sự gương mẫu, chưa quan tâm tới việc lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc công tác PCTN; nhất là trong phát hiện, xử lý các hành vi tham nhũng. Vẫn còn có tâm lý né tránh, nể nang không tích cực đấu tranh chống tham nhũng hoặc vì thành tích hoặc động cơ cá

nhân che giấu những khuyết điểm, hành vi tham nhũng của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương mình. Quy định trách nhiệm xử lý người đứng đầu khi xảy ra tham nhũng trong cơ quan, đơn vị chưa khuyến khích người đứng đầu kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm tham nhũng.

Hai là, tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, địa vị pháp lý của một số cơ quan, đơn vị PCTN chưa rõ ràng, chưa bảo đảm tính độc lập cần thiết; năng lực, trình độ của một bộ phận cán bộ, công chức làm công tác PCTN chưa đáp ứng yêu cầu; chưa có quy định đặc thù trong hoạt động nghiệp vụ về phát hiện, xử lý tham nhũng cũng như chế độ đãi ngộ cán bộ làm việc trong các cơ quan PCTN; cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ trực tiếp cho công tác đấu tranh PCTN còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu đòi hỏi thực tiễn đặt ra.

Ba là, quan hệ phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị PCTN còn chưa được chặt chẽ; nhất là trong việc chuyển giao các hồ sơ, tài liệu liên quan đến tham nhũng; đánh giá chứng cứ.

Bốn là, trách nhiệm của người đứng đầu một số đơn vị, địa phương trong việc triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN chưa cao; chưa đề ra các biện pháp phù hợp để lãnh đạo, chỉ đạo; chưa thực sự dựa vào dân và chưa phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong thực hiện nhiệm vụ PCTN.

Năm là, một số đơn vị, địa phương chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong việc triển khai các biện pháp phòng ngừa tham nhũng theo đúng quy định của Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành. Việc triển khai thực hiện chỉ dừng lại ở việc tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về PCTN, chưa chú trọng đến công tác thanh tra, kiểm tra về PCTN.

Sáu là, nhận thức của một bộ phận CB,CC,VC và nhân dân trong đấu tranh PCTN chưa đầy đủ, chưa mạnh dạn đấu tranh trực tiếp với các hành vi tham nhũng, còn e dè, né tránh, sợ trù dập, trả thù. Hầu hết, đơn thư tố cáo tham nhũng đều là đơn nặc danh, mạo danh nên không đủ điều kiện để xem xét, giải quyết, gây khó khăn cho công tác xác minh. Do đó, việc phát hiện, xử lý các hành vi tham nhũng không kịp thời, chưa đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ PCTN.

2.3.3. Kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn tỉnh Quảng Nam

Một là, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 150/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 về danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức, theo đó đã điều chỉnh các vấn đề vướng mắc trong thực tiễn như: điều chỉnh về thời hạn chuyển đổi vị trí công tác là từ 02 năm (đủ 24 tháng) đến 05 năm (đủ 60 tháng) theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực. Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị chỉ có một vị trí trong danh mục định kỳ chuyển đổi vị trí công tác, mà vị trí này có yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ khác với các vị trí khác của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó thì việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức đề nghị với cơ quan có thẩm quyền quản lý cấp trên trực tiếp quyết định chuyển đổi.

Tuy nhiên, qua thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác trong thực tiễn vẫn còn một số vướng mắc như: Một số cán bộ, công chức, viên chức đã quen việc với công tác chuyên môn ở lĩnh vực cần được chuyên sâu, song đến thời hạn lại phải chuyển đổi cán bộ công chức, viên chức khác đảm nhiệm, sẽ ít có kinh nghiệm chuyên môn sâu và sẽ gặp khó khăn trong công tác. Khi chuyển đổi đến cơ quan, đơn vị khác thường xa nhà, đi lại khó khăn nhất là ở các huyện miền núi, ảnh hưởng đến cuộc sống của công chức, viên chức được chuyển đổi. Từ đó đã làm ảnh hưởng đến tâm lý của công chức, viên chức; đối tượng được chuyển đổi ở các thành phố, thị xã thường ngại không muốn chuyển đến công tác ở một số huyện vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Vì vậy cần xem xét và có chính sách khuyến khích, động viên công chức, viên chức chuyển đổi vị trí công tác như: nhà ở công vụ, nâng bậc lương trước thời hạn, đặc biệt là khi hết thời hạn chuyển đổi thì có được trở lại đơn vị cũ hay không.

Hai là, việc tặng quà, nhận quà và nộp lại quà tặng được quy định tại Quyết định số 64/2007/QĐ-TTg ngày 10/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ đã được triển khai. Tuy nhiên, trong thực tế việc CB,CC,VC thực hiện quy định về tặng quà và

nộp lại quà tặng trong thời gian qua hầu như không có trường hợp nào. Nguyên nhân do quy định về trình tự báo cáo, nộp lại quà, nhất là đối với quà tặng bằng hiện vật còn phức tạp, khó thực hiện, không khuyến khích các cơ quan, cá nhân thực hiện, chế tài xử lý chưa nghiêm; ranh giới giữa quà tặng và tài sản hồi lộ khó phân biệt dẫn đến khó khăn cho việc xử lý và kiểm soát. Bên cạnh đó, việc triển khai thực hiện còn thiếu nghiêm túc, không mang lại hiệu quả thiết thực. Vì vậy, cần xem xét ban hành mới Nghị định quy định việc tặng quà, nhận quà và nộp lại quà tặng theo hướng khuyến khích các cơ quan, đơn vị, cá nhân thực hiện việc nộp lại quà tặng; cần phân định rõ khái niệm về quà tặng và tài sản hồi lộ; trách nhiệm của thủ trưởng các đơn vị, địa phương trong thực hiện tặng quà, nhận quà và nộp lại quà tặng; đồng thời quy định chế tài nghiêm khắc đối với hành vi báo cáo không trung thực trong việc thực hiện tặng quà, nhận quà và nộp lại quà tặng.

Kết luận Chương 2

Qua nghiên cứu những quy định cụ thể về các biện pháp hành chính PCTN và thực tế áp dụng các biện pháp đó trên thực tế; có thể nhận thấy được mối quan hệ giữa lý luận chung (Chương 1) và các quy định thực định (Chương 2), từ đó nhìn nhận khái quát về lý luận các biện pháp hành chính PCTN.

Tuy nhiên, việc nhìn nhận trên cơ sở lý luận thì chưa toàn diện và chưa đầy đủ; cần phải có cái nhìn sâu hơn trên khía cạnh áp dụng và thi hành, từ đó mới thể thấy được sự phù hợp giữa lý luận và thực tiễn, tìm ra các ưu và khuyết điểm của lý luận.

Mặc dù, việc ghi nhận các biện pháp hành chính trong pháp luật hành chính đã khá đầy đủ, nhưng chưa sâu rộng, và cũng chỉ mang tính chất lý luận, khi được thực tế soi đường, và kiểm chứng mới thấy được tầm quan trọng của các biện pháp trên. Việc áp dụng thực tiễn đã cho thấy, việc quy định lý luận, cũng như áp dụng thực tiễn có mối quan hệ không thể tách rời, có tầm quan trọng nhất định; là tổng thể chung góp phần đấu tranh PCTN. Qua việc nghiên cứu lý luận và thực tiễn ở Chương 2, có thể thấy bản thân lý luận và thực tiễn vẫn còn những khoảng cách,

cần phải được bổ sung, làm rõ và hoàn thiện hơn. Do đó, cần xem xét đến phương hướng, các điều kiện về chính trị và pháp luật để tìm ra giải pháp hoàn thiện các biện pháp hành chính trong công tác PCTN.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM BIỆN PHÁP HÀNH CHÍNH PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TỪ THỰC TIỄN TỈNH QUẢNG NAM

3.1. Giải pháp chung bảo đảm biện pháp hành chính phòng, chống tham nhũng từ thực tiễn tỉnh Quảng Nam

3.1.1. Hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng

Nhân dân ta luôn ghi nhớ biết ơn công lao của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ Quốc. Dân ta luôn tin Đảng, nhưng lòng tin vào năng lực chống tham nhũng của Đảng dường như còn rất ngập ngừng. Phát biểu với cử tri Hà Nội ngày 1-12-2012, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cho rằng, Nghị quyết Trung ương 4 trước đó “có tác dụng cảnh tỉnh với những người quên đi nguy cơ sụp đổ chế độ. Thứ hai là để răn đe; thứ ba là nhằm ngăn chặn sai phạm. Và cuối cùng nếu không sửa thì mới xử lý kỷ luật”. Kiểm điểm thì “không ai muốn tự nhận mình đang nằm trong bộ phận suy thoái”, rất khó để ai đó tự nhận khuyết điểm của mình, “đụng đến lợi ích là va chạm, là phản ứng. nhất là khi lợi ích đã thành nhóm”. Không nên xem việc kiểm điểm theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 là cây đũa thần” [49]. Vì vậy, trong công tác PCTN, trước hết phải có sự đồng lòng và tự kiểm điểm từ chính nội bộ Đảng, tăng cường hoàn thiện thể chế để làm tốt công tác PCTN.

Trong đấu tranh PCTN, pháp luật được coi là phương tiện cứng rắn nhất và không thể thiếu được. Lịch sử đấu tranh chống tham nhũng trên phạm vi toàn thế giới cho thấy, nếu thiếu phương tiện pháp luật thì cuộc đấu tranh này chỉ là cuộc chiến nửa vời dọa tham nhũng chứ không diệt được tham nhũng. Vai trò của pháp luật trong đấu tranh chống tham nhũng được thể hiện ở nhiều nội dung khác nhau, từ việc xác định thể nào là tham nhũng, các loại hành vi tham nhũng, các biện pháp phòng ngừa, các loại chế tài cho tới hình thức và biện pháp xử lý tham nhũng. Ở một cách phân chia tương đối, pháp luật liên quan đến tham nhũng được sử dụng trên hai phương diện: phòng ngừa tham nhũng và xử lý tham nhũng.

Pháp luật về phòng ngừa tham nhũng được thể hiện ở rất nhiều ngành luật, nhiều văn bản khác nhau: từ các văn bản về tổ chức bộ máy Nhà nước, văn bản về các lĩnh vực kinh tế xã hội đến pháp luật đấu tranh trực diện với tham nhũng. Nó có thể là ngành luật hiến pháp, luật đất đai, luật tài chính - ngân hàng, luật hành chính, luật dân sự, luật kinh tế... Một đòi hỏi đối với các văn bản pháp luật này là phải đồng bộ, thống nhất, phải tạo được khuôn mẫu pháp lý có khả năng loại trừ sự nảy sinh của các hành vi tham nhũng.

Pháp luật cũng cần phải có hệ thống quy chế pháp lý hoàn thiện, hiệu quả, ngăn chặn mọi điều kiện dẫn đến tham nhũng, sao cho bất cứ ai dù muốn cũng không thể tham nhũng được. Nhiều nước có kinh nghiệm tốt về mặt này. Thí dụ, thực hiện luật công khai tài sản riêng của tất cả viên chức công quyền. Đồng thời hình thành bộ máy giám sát theo dõi quá trình thay đổi tài sản để tránh tẩu tán tài sản và sớm phát hiện tham nhũng. Mỗi viên chức có một hồ sơ tài sản và thu nhập trong hệ thống máy tính quản lý toàn quốc, bất cứ ai cũng có thể kiểm tra. Mọi khoản tiền chính quyền thu của dân dù nhỏ cũng phải có ghi chép công khai và được giám sát.

Do có hệ thống pháp luật PCTN hoàn thiện mà phương Tây tuy công nhiên đề cao đồng tiền nhưng lại ít tham nhũng. Luật chống tham nhũng ở nước ngoài (Foreign Corrupt Practices Act) của Mỹ nghiêm ngặt tới mức không công ty Mỹ nào dám đưa hối lộ cho quan chức nước ngoài. Cũng vì có luật chặt chẽ mà Chính phủ Nhật thẳng tay khởi tố vụ công ty Nhật PCI đưa hối lộ cho Huỳnh Ngọc Sỹ khi Sỹ đòi “hoa hồng” bằng 15% tổng đầu tư thì mới cho PCI trúng thầu làm dự án Đại lộ Đông Tây TP Hồ Chí Minh [55].

Bên cạnh đó, về chính sách pháp luật, cần đẩy nhanh lộ trình tăng lương, cải cách hành chính và tinh giản biên chế. Thực tiễn và bài học kinh nghiệm của nhiều quốc gia cho thấy, mức lương được hưởng của cán bộ, công chức có ảnh hưởng rất lớn đến vấn nạn tham nhũng. Vì vậy, cần đẩy nhanh tiến độ cải cách tiền lương, nhất là đối với những người làm việc trong đơn vị hành chính, sự nghiệp công. Tiền lương phải đảm bảo đủ sống cho bản thân và gia đình người lao động thì họ mới có

thể toàn tâm trong công việc. Những người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải làm gương sáng kiến, cải tiến, gương mẫu trong cơ quan, lãnh đạo, chỉ đạo cải cách hành chính tại đơn vị sẽ giảm thiểu được tham nhũng.

3.1.2. Nâng cao năng lực phòng, chống tham nhũng của cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương

Một số học giả đề xuất ý kiến cho rằng nên thành lập một tổ chức độc lập do Quốc Hội lập ra và do Quốc Hội điều phối [32, tr.118]; giải pháp này là một ý tưởng hay; bởi vì tuy Việt Nam đã có Ban Chỉ đạo PCTN, nhưng đây là cơ quan của Đảng, cần thiết về mặt chiến lược; còn muốn tổ chức thực hiện PCTN đúng luật, hợp hiến, hợp pháp thì nhất định phải thành lập cơ quan do Quốc Hội chi phối. Tuy nhiên, cần xem xét về vị trí, tính chất, quyền lực của cơ quan này, đồng thời cần phải xét đến mối quan hệ với các cơ quan hành pháp, tư pháp. Mối quan hệ giữa ba thiết chế quyền lực lập pháp, hành pháp, tư pháp ở nước ta còn nhiều bất cập nên không đơn giản để cơ quan PCTN độc lập này “*có đất diễn*” trên thực tế.

Thiết nghĩ, nên phát huy tối đa vai trò, vị trí mô hình tổ chức hiện nay, bởi với những gì hiện có, tuy còn chông chéo, công kênh nhưng thay đổi cả một hệ thống đó thì không đơn giản, điều tốt nhất nên làm là thay đổi phương thức hoạt động cũng như nâng cao năng lực PCTN của các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương (Trong phạm vi Luận văn này, không đề cập đến cơ quan hành chính ở Trung ương – Chính Phủ bởi tính chất vĩ mô).

Một số giải pháp để nâng cao năng lực PCTN của cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương:

Một là, tăng cường kiểm tra hành chính. Về lý thuyết, để chống tham nhũng có hiệu quả, trước hết các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương phải thường xuyên kiểm tra hành chính ngay trong chính cơ quan của mình. Để công tác kiểm tra hành chính đạt hiệu quả:

- Trước hết phải lựa chọn người có kỹ năng, bản lĩnh và điều kiện thực hiện chức năng kiểm tra trong các cơ quan hành chính nhà nước. Lâu nay cán bộ kiểm tra thường bị coi nhẹ do tính chất va chạm, phức tạp và tiền lương thấp. Người làm

chức năng kiểm tra trong các cơ quan hành chính thường nề nang, ngại va chạm hoặc hèn nhát, sợ bị trả thù nên tiến hành kiểm tra một cách chiếu lệ, không trung thực, không sâu sát. Cần thay đổi tình trạng này bằng cách nhấn mạnh tầm quan trọng của kiểm tra, tìm cơ chế để cán bộ kiểm tra có thu nhập ngang với mức trung bình cao của cơ quan và thiết kế cơ chế bảo vệ họ. Đi đôi với các chính sách đó cũng cần quy định trách nhiệm và nghĩa vụ của người làm nhiệm vụ kiểm tra, nghiêm khắc xử lý cán bộ vi phạm nguyên tắc trung thực, khách quan, kịp thời trong kiểm tra.

- Xây dựng quy trình kiểm tra nhằm chống lại các hành vi tham nhũng. Trước hết, quy định các bước thực hiện kiểm tra khi có dấu hiệu và thông tin nội bộ về các hành vi mang tính vụ lợi cá nhân. Thứ hai, quy định quy trình kiểm tra khi thấy việc chi tiêu và sử dụng tài sản công có dấu hiệu lãng phí và bất hợp lý. Thứ ba, quy trình kiểm tra khi có dư luận của quần chúng nhân dân phản ánh cán bộ công chức chi tiêu, mua sắm một cách không bình thường so với mức thu nhập thực tế của họ. Thứ tư, quy trình kiểm tra khi thấy cán bộ, công chức sử dụng tài sản không rõ nguồn gốc.

Vì phần lớn những người thực hiện hành vi tham nhũng là những người có trình độ cao, có hiểu biết về pháp luật và có kinh nghiệm hoạt động thực tiễn, vì vậy các hành vi tham nhũng của họ được ngụy trang và che đậy rất khéo léo, tinh vi. Vì vậy cần nghiên cứu để tìm ra các biện pháp kiểm tra phát hiện hành vi tham nhũng của công chức nhà nước trong các tình huống điển hình để hướng dẫn cho người làm chức năng kiểm tra.

Ngoài ra, số đông cán bộ, công chức là đảng viên nên việc kiểm tra để phát hiện các hành vi tham nhũng không thể thiếu cơ quan kiểm tra đảng vào cuộc. Đối với những thông tin phản ánh các hành vi tham nhũng qua con đường tố cáo (kể cả giấu tên) thì Ủy ban Kiểm tra đảng cần kết hợp với chủ thể hành chính để tiến hành kiểm tra và tìm ra sự thật để có biện pháp xử lý kịp thời nhằm ngăn chặn hành vi tham nhũng và chuyển qua giai đoạn thanh tra, điều tra để xử lý hành chính hoặc truy tố trước pháp luật.

Hai là, nâng cao chất lượng giám sát hành chính.

Để giám sát nhằm chống các hành vi tham nhũng trong cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, trước hết phải thực hiện giám sát hành chính ngay trong cơ quan của mình. Phải chỉ đạo hoạt động giám sát thực hiện đúng nhiệm vụ theo dõi, kiểm tra và xem xét hành vi của công chức nhà nước được giao thẩm quyền đối với đối tượng (tổ chức, cá nhân) để kiểm soát hoạt động của họ, buộc họ chịu sự giám sát của cơ quan để đi đúng quỹ đạo.

Vì vậy, hoạt động giám sát hành chính là hoạt động tất yếu khách quan nhằm hạn chế các hiện tượng vi phạm pháp luật của đối tượng và những căn bệnh của quyền đặc lợi vốn thường xuất hiện trong các cơ quan hành chính nhà nước.

Để nâng cao chất lượng giám sát nhằm PCTN cần củng cố sức mạnh của cơ quan chỉ đạo chống tham nhũng và các cơ quan giám sát trong bộ máy nhà nước ở địa phương. Cơ quan PCTN có nhiệm vụ chỉ đạo, phối hợp, kiểm tra, đôn đốc hoạt động PCTN trên phạm vi đối tượng.

Đồng thời nâng cao vai trò giám sát nhằm PCTN của các tổ chức chính trị, xã hội và dân cư, trong đó Ban chỉ đạo thuộc các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác nhau làm nhiệm vụ hạt nhân phối hợp. Hội đồng nhân dân các cấp nâng cao trách nhiệm giám sát công tác PCTN tại địa phương; Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND các cấp giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN theo lĩnh vực mình phụ trách.

Ba là, tăng cường công tác thanh tra hành chính

Ở Việt Nam, cơ quan Thanh tra không có chức năng truy tố về các hành vi tham nhũng. Công tác thanh tra dừng lại ở khâu phát hiện ra các hành vi tham nhũng của đối tượng thanh tra và chuyển vụ việc qua cơ quan điều tra của Công an để truy tố trước pháp luật. Mặc dù có quyền lực hạn chế như vậy, nhưng nếu làm tốt nhiệm vụ thanh tra thì tham nhũng sẽ hạn chế rất nhiều. Để thanh tra làm được sứ mệnh của mình cần thực thi các giải pháp sau:

- Tiến hành thanh tra trung thực, khéo léo và phản ánh khách quan kết quả thanh tra.

- Nỗ lực thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN.
- Tổ chức thanh tra khẩn trương, trung thực các vụ việc có dấu hiệu tham nhũng thuộc thẩm quyền.
- Tiếp nhận và thu thập thông tin về vụ việc có dấu hiệu tham nhũng; xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin về PCTN.

3.1.3. Đổi mới công tác tổ chức, cán bộ

Hiện tượng tham nhũng gắn liền với những con người cụ thể, và chỉ có những người có chức, có quyền, có vị thế trong bộ máy công quyền mới có thể thực hiện hành vi tham nhũng. Trong xã hội Việt Nam hiện nay, những người có chức, có quyền chỉ có thể là cán bộ, đảng viên, vì vậy để PCTN có hiệu quả thì phải bắt đầu từ công tác tổ chức, cán bộ.

Sinh thời, chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”, “công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém” [15, tr. 309, 313]. Vì vậy để lãnh đạo PCTN hiệu quả, vấn đề mấu chốt đối với các cấp ủy là đội ngũ cán bộ phải được chọn lọc kỹ.

Cho đến nay, mặc dù đánh giá cán bộ vẫn được xác định là khâu quan trọng nhất trong quy trình công tác cán bộ, nhưng trong thực tế, đánh giá cán bộ vẫn là khâu yếu nhất. Trong vài năm trở lại đây, đã xuất hiện không ít cán bộ giữ cương vị lãnh đạo chủ chốt các cấp tham nhũng. Ở những đối tượng này, có thể khẳng định họ không phải là những người có trình độ thấp, không phải họ gặp khó khăn về kinh tế. Vì vậy, nguyên nhân dẫn đến tham nhũng được xác định là do họ thiếu tu dưỡng, rèn luyện dẫn đến suy thoái đạo đức, lối sống cùng với sự buông lỏng, yếu kém trong công tác đánh giá, quản lý cán bộ của các tổ chức đảng.

Trong thời gian tới, để khắc phục những hạn chế này, các cấp ủy cần thực hiện nghiêm túc công tác quản lý, đánh giá cán bộ, đảng viên theo thời hạn quy định và hằng năm theo quy định của Trung ương. Bằng nghiệp vụ và kinh nghiệm công tác, cơ quan tổ chức cán bộ tham mưu cho cấp ủy và người đứng đầu cơ quan đánh giá đúng mặt mạnh, mặt yếu của từng người để lựa chọn, bố trí cán bộ vào môi trường và cương vị phù hợp, nhất là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị. Những

người chưa thật sự đáng tin cậy về tính liêm khiết, tính kỷ luật, trung thực thì không bố trí công tác ở nơi có quyền cấp phép, duyệt kế hoạch, quản lý nhân lực, nơi liên quan đến tiền, hàng... Người đã có biểu hiện tư lợi ở cấp dưới thì không bố trí vào cương vị cao hơn. Cấp ủy và cơ quan tổ chức – cán bộ phải hết sức tỉ mỉ, khách quan và công tâm trong theo dõi nhận xét cán bộ, lường trước được những diễn biến tư tưởng, đạo đức của từng người. Sau khi bố trí công tác, cấp ủy và cơ quan tổ chức cán bộ tiếp tục theo dõi sát sao, thấy rõ được những mặt tốt, mặt mạnh và những hạn chế bộc lộ trong quá trình công tác của cán bộ để kịp thời giáo dục, uốn nắn.

Sửa đổi, bổ sung các quy định về công tác cán bộ, đảm bảo công khai, dân chủ, đảm bảo công khai, dân chủ. Chấn chỉnh công tác thi tuyển, tiếp nhận cán bộ, công chức; chú trọng thanh tra, xử lý tham nhũng trong thi tuyển; thí điểm tiến tới mở rộng thi tuyển công khai một số chức danh cán bộ quản lý cấp phòng, cấp vụ, nhất là người đứng đầu bệnh viện, trường học, cơ quan nghiên cứu và doanh nghiệp của Nhà nước. Xem xét, xử lý trách nhiệm người giới thiệu, đề bạt cán bộ đã bao che hành vi tham nhũng của người được bổ nhiệm, đề bạt.

Sửa đổi, bổ sung quy định về bổ nhiệm, phân cấp quản lý cán bộ theo hướng tăng quyền hạn cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức gắn với trách nhiệm cá nhân trong việc lựa chọn, bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cấp phó và cán bộ cấp dưới trên cơ sở thảo luận dân chủ trong tập thể lãnh đạo.

Thực hiện nghiêm quy định về xử lý trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị để xảy ra tham nhũng, lãng phí nghiêm trọng, về miễn nhiệm, bãi nhiệm, cho từ chức, tạm đình chỉ chức vụ người có dấu hiệu tham nhũng để thanh tra, kiểm tra. Khuyến khích việc chủ động từ chức vì lý do trách nhiệm.

Áp dụng tư tưởng “hồi ty” thời phong kiến vào công tác đấu tranh PCTN, khắc phục những bất cập trong công tác quản lý hiện nay. Khoản 3, Điều 37 Luật PCTN năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2007 và năm 2012) quy định: “Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị không được bổ trí vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của mình giữa chức vụ quản lý về tổ

chức nhân sự, kế toán – tài vụ, làm thủ quỹ, thủ kho trong cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc giao dịch, mua bán vật tư, hàng hóa, ký kết hợp đồng cho cơ quan, tổ chức, đơn vị đó”. Phạm vi và đối tượng ở luật hiện hành hẹp hơn rất nhiều so với luật “hồi ty” thời trước. Để khắc phục tình trạng kéo bè, kéo cánh, tham ô, tham nhũng, lũng đoạn các cơ quan, tổ chức, việc mở rộng phạm vi và đối tượng luật “hồi ty” là cần thiết.

Những biểu hiện tiêu cực của hiện tượng “thân quen, họ hàng” đã ảnh hưởng không nhỏ tới tính minh bạch, dân chủ trong bộ máy nhà nước. Để khắc phục, rất cần sự thay đổi; cần áp dụng cơ chế chính sách buộc những người tuyển dụng, sử dụng cán bộ, công chức phải thực hiện nghiêm chỉnh những quy định của pháp luật, tránh tình trạng kéo bè, kéo cánh để lũng đoạn, tham nhũng.

3.1.4. Minh bạch hóa hoạt động phòng, chống tham nhũng

Công khai thông tin làm gia tăng mạnh mẽ niềm tin của người dân vào đường lối, chủ trương của Đảng và vai trò điều hành của Chính Phủ, còn che giấu sẽ tạo ra hiệu ứng ngược lại. Niềm tin của nhân dân là yếu tố then chốt tạo ra sự ổn định chính trị, nên công khai thông tin cần phải được coi là một ưu tiên của đất nước.

Minh bạch hóa hoạt động PCTN là một trong những giải pháp mà Việt Nam thực hiện để PCTN từ trước đến nay. Giải pháp này đã được quy định trong luật và các văn bản dưới luật nhằm hướng dẫn thi hành, đồng thời được quy định trong các văn bản quy định quy chế làm việc tại các cơ quan, đơn vị. Tuy nhiên, việc minh bạch hóa hoạt động PCTN vẫn chưa đạt yêu cầu, vì vậy, đòi hỏi cần phải tăng cường và nâng cao chất lượng hoạt động minh bạch hóa trong công tác PCTN. Có thể đề ra một số giải pháp sau:

3.1.4.1 Tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạch định chính sách, xây dựng và thực hiện pháp luật

- Minh bạch hóa quá trình soạn thảo, trình, ban hành chính sách, pháp luật; quá trình chuẩn bị, trình, ban hành quyết định, văn bản hành chính gắn liền với việc cải cách thủ tục hành chính

Việc minh bạch hóa nhằm đưa ra được hệ thống chính sách, pháp luật phù hợp

nhất với nguyện vọng của đông đảo người dân và xuất phát từ thực tiễn xã hội, như thông qua việc đánh giá tác động đối với các quan hệ xã hội thuộc phạm vi điều chỉnh của chính sách, pháp luật hoặc lấy ý kiến của các đối tượng chịu sự điều chỉnh của chính sách, pháp luật... Bên cạnh đó, việc tăng cường minh bạch hóa trong quá trình soạn thảo và ban hành chính sách, pháp luật cũng góp phần ngăn ngừa các nguy cơ tham nhũng dựa trên lợi ích nhóm và giảm thiểu các chi phí của người dân và xã hội nói chung phát sinh do sự thiếu minh bạch của hệ thống chính sách và pháp luật.

- Tổng rà soát, sửa đổi pháp luật về bí mật nhà nước theo hướng thu hẹp phạm vi bí mật nhà nước ở mức cần thiết

Việc rà soát, sửa đổi pháp luật về bí mật nhà nước là cần thiết nhằm góp phần thúc đẩy công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo hướng coi công khai, minh bạch là nguyên tắc và bí mật nhà nước là những trường hợp ngoại lệ nhằm bảo vệ an ninh quốc gia, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Đồng thời, việc đề xuất danh mục bí mật nhà nước của các ngành, các cấp cũng cần dựa trên những tiêu chí minh bạch và thống nhất. Theo đó, quy định rõ, cụ thể các nhóm thông tin, tài liệu hoặc nội dung thuộc danh mục bí mật nhà nước và những gì không được quy định trong danh mục này phải được công khai, minh bạch.

- Cụ thể hóa và tăng cường kiểm tra nhằm bảo đảm thực hiện nghiêm các quy định của Luật PCTN về công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức ở tất cả các ngành, các cấp và trong các lĩnh vực nhất là trong việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội

Việc quy định các lĩnh vực, nội dung hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị là một bước tiến trong Luật PCTN. Tuy nhiên, giữa các quy định và thực tiễn áp dụng luôn tồn tại một khoảng cách cần rút ngắn. Như đề cập ở phần trên, thực hiện công khai và minh bạch cần được gắn với trách nhiệm của những chủ thể có thẩm quyền. Vì vậy, việc tăng cường kiểm tra nhằm bảo đảm thực hiện nghiêm các quy định của Luật là một yêu cầu tất yếu nhằm đảm bảo thực hiện công khai, minh bạch trên thực tế.

- Xây dựng và thực hiện cơ chế bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân về hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị; hoàn thiện và tổ chức thực hiện nghiêm túc quy chế người phát ngôn của cơ quan nhà nước; xây dựng và ban hành luật về tiếp cận thông tin; có chế tài đối với người vi phạm quyền được thông tin của công dân

Ngoài việc quy định các nội dung yêu cầu thực hiện công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị, việc hoàn thiện các cơ chế bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân có vai trò quyết định đến hiệu lực thực tế của các quy định này. Vì vậy, các giải pháp cần tiếp tục tập trung vào một số vấn đề còn chưa được quy định cụ thể trong Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thực hiện, quy trình tiếp nhận và giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin của công dân; cơ chế công bố hoặc công khai thông tin về hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị; các phương thức tiếp cận thông tin, cũng như các hình thức xử lý trách nhiệm (hình sự, kỷ luật hoặc vật chất đối với cán bộ, công chức, viên chức) và các hình thức xử lý vi phạm hành chính, hình sự, dân sự đối với cá nhân, tổ chức có hành vi cản trở việc tiếp cận thông tin của công dân.

Một nhiệm vụ quan trọng không kém nữa là nhanh chóng xây dựng và ban hành Luật tiếp cận thông tin để tạo hành lang pháp lý cho người dân.

- Hoàn thiện cơ chế thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công khai, minh bạch trong hoạch định chính sách, xây dựng và thực hiện pháp luật

Tương tự như phân tích ở trên, bên cạnh quy định về công khai, minh bạch trong xây dựng và thực hiện chính sách, pháp luật, việc hoàn thiện và tăng cường cơ chế thanh tra, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện có vai trò rất quan trọng. Qua đó nhằm tạo chuyển biến về công khai, minh bạch trên thực tế của hoạt động xây dựng, hoạch định và thực hiện chính sách, pháp luật, đặc biệt là đối với các cơ quan quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực. Vì vậy, trong hoạt động thanh tra, như thanh tra trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước các cấp hoặc thanh tra trách nhiệm việc thực hiện pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN, yêu cầu về thực hiện công khai, minh bạch trong hoạch định chính sách, xây dựng và thực

hiện pháp luật cần được coi là một nội dung quan trọng. Bên cạnh đó, các cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác xây dựng và thi hành pháp luật; kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật, như Bộ Tư pháp và Sở Tư pháp các cấp cũng cần coi trọng và tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công khai, minh bạch trong hoạch định chính sách, xây dựng và thực hiện pháp luật của cơ quan quản lý nhà nước các cấp, các ngành.

3.1.4.2. Hoàn thiện chế độ công vụ, công chức, nâng cao chất lượng thực thi công vụ

- Thực hiện phân công, phân cấp rõ ràng; quy định cụ thể, rành mạch chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cấp quản lý, khắc phục tình trạng chồng chéo, bỏ trống trong hoạt động quản lý. Quy định chức trách của từng vị trí công tác, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và căn cứ vào kết quả thực hiện chức trách đó để đánh giá cán bộ, công chức

Các giải pháp trên, bên cạnh mục đích nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước các cấp, còn góp phần đảm bảo tính minh bạch trong hoạt động quản lý nhà nước. Với việc phân công, phân cấp rõ ràng, gắn với quy định cụ thể, rành mạch về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cấp, chức trách của từng vị trí công tác và đảm bảo tính khách quan trong công tác đánh giá cán bộ, công chức, tính minh bạch trong hoạt động quản lý nhà nước sẽ có những cải thiện quan trọng. Thông qua đó, người dân cũng dễ dàng hơn trong giám sát hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đồng thời, tính trách nhiệm, liêm chính của đội ngũ cán bộ, công chức cũng sẽ được tăng cường, góp phần phòng ngừa tham nhũng một cách có hiệu quả trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện cơ chế về trách nhiệm giải trình của cán bộ, công chức, nhất là đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý; cơ chế miễn nhiệm, bãi nhiệm, cho từ chức, tạm đình chỉ chức vụ của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách

Cùng với quá trình kiện toàn tổ chức bộ máy nhà nước theo hướng phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan nhà nước,

việc nâng cao trách nhiệm giải trình của cán bộ, công chức, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo, quản lý kèm theo các hình thức xử lý vi phạm cụ thể có vai trò hết sức quan trọng nhằm tăng cường tính minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị. *Trách nhiệm giải trình theo cách hiểu thông thường là tính chịu trách nhiệm và khả năng giải thích của cán bộ, công chức về việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao trong quá trình thi hành công vụ.* Như vậy, bản thân khái niệm về trách nhiệm giải trình đã bao hàm tính minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Trách nhiệm giải trình cũng gắn liền với việc đảm bảo tính hợp pháp và hợp lý của quyết định hành chính, hành vi hành chính, cũng như của hoạt động quản lý nhà nước nói chung. Với cách tiếp cận này, tăng cường trách nhiệm giải trình cần được thể hiện cụ thể trong việc đổi mới quy trình xử lý công việc, phân công nhiệm vụ, chia sẻ thông tin, cá thể hóa trách nhiệm và quy trình tiếp nhận, giải quyết khiếu nại hành chính phát sinh trong hoạt động công vụ, cũng như xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức. Quá trình đổi mới cần được thực hiện theo nguyên tắc đã được đề cập đến trong nhiều văn bản chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về cải cách hành chính, đó là một việc chỉ giao cho một người hoặc một cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm chính. Tóm lại, nâng cao trách nhiệm giải trình của cán bộ, công chức cũng chính là góp phần đảm bảo tính minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị, qua đó giúp nâng cao hiệu quả của công tác PCTN.

- Công bố công khai các chế độ, định mức, tiêu chuẩn và công khai việc thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn sử dụng tài sản công của cán bộ, công chức, trước hết là của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Sửa đổi các quy định về quản lý, sử dụng nhà công vụ; xử lý nghiêm minh các vi phạm trong việc quản lý, sử dụng nhà công vụ

Thông thường các chế độ, định mức, tiêu chuẩn được đề cập trong Quy chế chi tiêu nội bộ với sự tham gia ý kiến của toàn thể cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị vào quá trình xây dựng. Như vậy, tính minh bạch trong quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước thể hiện qua việc đạt được sự thống nhất chung trong toàn cơ quan, tổ chức, đơn vị khi cùng đưa ra một bản Quy

chế quy định về các chế độ, định mức, tiêu chuẩn. Đồng thời qua đó, cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị cũng sẽ có căn cứ để đánh giá được tính đúng đắn trong việc sử dụng ngân sách, tài sản Nhà nước, đặc biệt là đối với người đứng đầu. Ngoài ra, việc quy định các hình thức xử lý trách nhiệm đối với người có hành vi vi phạm, như vi phạm các quy định về định mức chi tiêu; sai phạm trong việc thực hiện quy trình thu chi ngân sách nhà nước; hoặc sử dụng tài sản của Nhà nước sai mục đích... cũng cần đặc biệt được coi trọng nhằm đảm bảo tính hiệu quả trong việc áp dụng các chế độ, định mức, tiêu chuẩn này trên thực tế.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập theo hướng từng bước công khai và quy định trách nhiệm giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập; thực hiện việc chi trả qua tài khoản đối với tất cả các khoản chi từ ngân sách nhà nước cho cán bộ, công chức

Hiện tại theo kết quả tổng kết sơ bộ, đa số các cơ quan nhà nước, đặc biệt là các cơ quan ở cấp Trung ương đã thực hiện việc chi trả qua tài khoản đối với tất cả các khoản chi từ ngân sách nhà nước cho cán bộ, công chức. Ngày 08 tháng 8 năm 2011, Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 68/2011/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2007 về minh bạch tài sản, thu nhập. Khoản 3 Điều 1 Nghị định này đã quy định bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai phải công khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi mình thường xuyên làm việc. Theo đó, căn cứ vào đặc điểm, tình hình của cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức, viên chức quyết định công khai bằng hình thức công bố tại cuộc họp hoặc niêm yết bản kê khai tại trụ sở của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Thời điểm công khai được thực hiện từ ngày 31 tháng 12 đến 31 tháng 3 của năm sau, nhưng phải đảm bảo thời gian công khai tối thiểu là 30 ngày. Riêng đối với trách nhiệm giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập, do xuất phát từ nhiều lý do khác nhau, như hệ thống đăng ký và quản lý tài sản còn hạn chế; hình thức thanh toán bằng tiền mặt vẫn còn khá phổ biến trong các giao dịch, nên vấn đề này đang tiếp tục được nghiên cứu để có các giải pháp phù hợp với tình hình thực tiễn ở Việt Nam. Tuy nhiên, Nghị định

68/2011/NĐ-CP cũng đã có những quy định cụ thể về các hình thức xử lý trách nhiệm đối với các hành vi kê khai không trung thực, kê khai chậm, chậm tổ chức việc kê khai và chậm tổng hợp báo cáo kết quả về minh bạch tài sản, thu nhập. Đây có thể coi là những biện pháp quan trọng nhằm tăng cường minh bạch về tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, qua đó giảm cơ hội phát sinh xung đột lợi ích và hành vi tham nhũng trong hoạt động công vụ.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về công vụ, công chức, nhất là việc minh bạch tài sản, thu nhập, việc thực thi công vụ ở những vị trí trực tiếp giải quyết yêu cầu của công dân, tổ chức, doanh nghiệp. Đẩy mạnh việc xây dựng, công bố công khai các quy tắc ứng xử, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức và tăng cường giám sát việc thực hiện theo quy định của pháp luật

Cũng tương tự như nhiều giải pháp ở trên, tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về công vụ, công chức, đặc biệt là các quy định liên quan đến kiểm soát xung đột lợi ích ở những vị trí trực tiếp giải quyết yêu cầu của công dân, tổ chức, doanh nghiệp là rất quan trọng nhằm đảm bảo hiệu lực, hiệu quả của công tác PCTN trên thực tế. Thông qua việc xây dựng, công khai và tổ chức thực hiện các quy tắc ứng xử, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức, người dân và những người xung quanh có căn cứ để giám sát hoạt động thi hành công vụ của cán bộ, công chức và các cơ quan thanh tra, cơ quan kiểm tra cũng có căn cứ khách quan để xem xét, đánh giá và đưa ra những kiến nghị phù hợp nhằm tăng cường tính liêm chính và minh bạch trong hoạt động công vụ.

3.1.4.3. Hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế, xây dựng môi trường kinh doanh cạnh tranh bình đẳng, công bằng, minh bạch

Hoàn thiện cơ chế, chính sách về hải quan, tín dụng, xuất nhập khẩu và một số lĩnh vực khác nhằm đảm bảo tính minh bạch, công bằng và cạnh tranh giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Thực hiện các chính sách kinh tế đối với doanh nghiệp một cách minh bạch và nhất quán

Việc nhất thể hóa hệ thống cơ chế, chính sách và pháp luật áp dụng đối với các

doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế vừa là đòi hỏi của quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và huy động mọi nguồn lực cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội để trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020. Bên cạnh đó, đây cũng chính là một yêu cầu nhằm tăng cường tính minh bạch và nhất quán, qua đó làm giảm cơ hội phát sinh tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động kinh doanh. Quá trình này đòi hỏi hệ thống cơ chế, chính sách, pháp luật về kinh doanh cần được tiếp tục rà soát và hoàn thiện theo hướng tăng cường công khai, minh bạch, công bằng và bảo đảm tính cạnh tranh giữa các thành phần kinh tế. Hệ thống này cần bảo đảm được quyền tự do kinh doanh của cá nhân, tổ chức trong việc thành lập doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh, tiếp cận các nguồn lực, cung cấp sản phẩm, dịch vụ, hàng hóa, cũng như giải quyết các tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh. Đồng thời các trình tự, thủ tục hành chính phát sinh trong hoạt động kinh doanh cũng cần được cải cách theo hướng này nhằm giảm thiểu tối đa những rào cản phát sinh từ cơ chế, phương thức quản lý nhà nước trên các lĩnh vực đối với hoạt động kinh doanh, đặc biệt là trong một số lĩnh vực có sự giao tiếp thường xuyên giữa doanh nghiệp với các cơ quan quản lý nhà nước, như thuế, hải quan, quản lý thị trường hoặc các cơ quan thanh tra theo ngành, lĩnh vực (lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm,...)

3.2. Các giải pháp riêng bảo đảm biện pháp hành chính phòng, chống tham nhũng đối với tỉnh Quảng Nam

3.2.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, công tác quản lý nhà nước ở các ngành, các cấp; đề cao trách nhiệm của cấp ủy và người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tham nhũng và chịu trách nhiệm khi để cơ quan, đơn vị, địa phương do mình lãnh đạo, phụ trách xảy ra tham nhũng. Cấp ủy đảng, lãnh đạo cơ quan phải gương mẫu, không tham nhũng và có dấu hiệu tham nhũng; đi đầu trong thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng.

3.2.2. Tiếp tục tổ chức học tập, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong cán bộ, đảng viên, công chức và nhân dân về phòng,

chống tham nhũng; thực hiện nghiêm những điều đảng viên không được làm; xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật nhằm phòng ngừa tham nhũng, thực hiện tốt việc công khai minh bạch hoạt động của cơ quan, đơn vị.

3.2.3. Triển khai thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở tại địa phương, cơ quan, đơn vị; rà soát, đánh giá, quy hoạch, sắp xếp, luân chuyển, bố trí cán bộ để tăng cường củng cố, kiện toàn các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, các đơn vị trọng yếu; thực hiện nghiêm việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức. Kiên quyết thay thế những cán bộ có nhiều dư luận tiêu cực, uy tín giảm sút hoặc yếu kém về năng lực, trình độ, gây mất đoàn kết nội bộ kéo dài.

3.2.4. Tăng cường hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp, hoạt động của các cơ quan có chức năng PCTN; thường xuyên nắm tình hình dư luận, cử tri về hiệu quả, tác động các chủ trương, giải pháp PCTN, tình hình tham nhũng để kiến nghị các cấp ủy đảng chấn chỉnh; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ Quốc, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp và của nhân dân trong việc phát hiện, đấu tranh những hành vi tham nhũng; thực hiện tốt quy định về bảo vệ, biểu dương, khen thưởng các nhân, tập thể phát hiện, tố cáo hành vi tham nhũng, có thành tích đấu tranh chống tham nhũng.

Kết luận Chương 3

Việc nghiên cứu phương hướng hoàn thiện, các điều kiện về chính trị và pháp luật tại Chương 3 đã chỉ ra được cơ sở lý luận và thực tiễn về việc tạo ra cơ chế để các biện pháp hành chính có tác dụng trên thực tế.

Mặc dù các giải pháp hoàn thiện các biện pháp hành chính nêu trên chưa thật sự hoàn hảo, nhưng bản thân chúng cũng có rất nhiều ưu điểm, có tính khả thi cao, và cần thiết cho việc đấu tranh, phòng, chống tham nhũng.

KẾT LUẬN

Tham nhũng là hành vi gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển bền vững của đất nước, làm cho kinh tế chậm phát triển, thất thoát, lãng phí tài sản của dân, thiệt hại ngân sách, gây rối loạn nền kinh tế, gia tăng khoảng cách giàu nghèo, tình trạng nghèo đói ngày càng trầm trọng. Hơn nữa, nó làm xói mòn lòng tin của nhân dân vào Đảng, vào Nhà nước, làm cho chế độ chính trị dần suy yếu từ bên trong, tạo điều kiện cho các thế lực thù địch tấn công ta, dẫn đến sụp đổ nếu không kịp thời chấn chỉnh, vì thế phòng, chống tham nhũng phải luôn được xem là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, liên tục với quyết tâm chính trị cao độ của Đảng, sự đồng lòng của cả hệ thống chính trị và sự ủng hộ của nhân dân bằng nhiều cách thức khác nhau, vừa phòng, vừa chống, lấy phòng ngừa là mục tiêu chính, kết hợp nhiều biện pháp như chính sách, cơ chế, pháp luật...

Trong phạm vi nghiên cứu, luận văn đã đóng góp thêm lý luận về các biện pháp hành chính nói chung, các biện pháp hành chính phòng, chống tham nhũng nói riêng; thực tiễn áp dụng những biện pháp hành chính trên thực tiễn địa bàn tỉnh Quảng Nam, qua đó rút ra được những ưu điểm, hạn chế và kinh nghiệm, là một nguồn tư liệu đóng góp vào công tác PCTN nói chung và khoa học pháp lý PCTN nói riêng.

Bên cạnh đó, luận văn cũng đã đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng các biện pháp hành chính trong lĩnh vực PCTN, phải thừa nhận rằng việc sử dụng các biện pháp hành chính để PCTN trong thời gian qua có những chuyển biến khả quan, song vẫn còn hạn chế, tính phòng ngừa và răn đe không thiết thực trên thực tế, mang nặng tính hình thức, nhưng nếu xét về nội hàm, nếu lấy phòng ngừa là trọng tâm trong công tác PCTN thì các biện pháp hành chính là phương thức “sâu sát” và có hiệu quả nhất bởi nó gắn liền và đi đôi với hoạt động công vụ, hành vi của cán bộ, công chức. Tăng cường hiệu quả áp dụng các biện pháp hành chính cũng gián tiếp hoàn thiện chế độ công vụ, tính trong sạch, minh bạch của bộ máy hành chính, qua đó tạo sự đột phá, bước ngoặt không nhỏ trong công tác PCTN ở Việt Nam hiện nay ./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính Phủ (2006), *Chỉ thị số 26/2006/CT-TTg, ngày 01/8 của Thủ tướng Chính Phủ về nghiêm cấm dùng tài sản công làm quà biếu và chiêu đãi khách sai quy định*, Hà Nội.
2. Chính Phủ (2007), *Nghị quyết số 61/2007/NQ-CP, ngày 07 tháng 12 năm 2007 về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị 32-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân*, Hà Nội.
3. Chính Phủ (2009), *Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020 Ban hành kèm Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 12-5-2009 của Chính Phủ*, Hà Nội.
4. Chính Phủ (2009), *Nghị định số 47/2007/NĐ-CP ngày 27/3 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật PCTN về vai trò, trách nhiệm của xã hội trong PCTN*, Hà Nội.
5. Chính Phủ (2013), *Nghị định số 59/2013/NĐ-CP ngày 17/6 quy định chi tiết một số điều của Luật PCTN*, Hà Nội.
6. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2006), *Nghị quyết số 04/NQ/TW ngày 21/8 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN, lãng phí*, Hà Nội.
7. Đảng Cộng Sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
8. Đảng Cộng Sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
9. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
10. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
11. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

12. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
13. Đảng Cộng Sản Việt Nam, Kết luận 04-KL/TW của Hội nghị lần thứ 4, Ban chấp hành Trung ương khoá IX, ngày 19-11-2001.
14. Đinh Văn Minh (2006), *Một số vấn đề về tệ nạn tham nhũng và những nội dung cơ bản của Luật PCTN năm 2005*, Nxb Chính trị - quốc gia.
15. Hồ Chí Minh toàn tập, tập 6, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội 1995, trang 494
16. Hồng Vĩ (2004), *Các biện pháp chống tham nhũng ở Trung Quốc*, Nxb Chính trị Quốc gia
17. Học viện hành chính (2010), *Lý luận hành chính Nhà nước (Giáo trình Đại học)*, Hà Nội.
18. Liên Hiệp Quốc (2003), *Công ước về PCTN*.
19. Ngô Kiều Dâng (2014), *Tổ chức và hoạt động của cơ quan PCTN ở Việt Nam*, Luận văn Thạc sỹ Luật học, Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội.
20. Nguyễn Đăng Dung, Phạm Hồng Thái, Chu Hồng Thanh, Vũ Công Giao (đồng chủ biên) (2013), *Giáo trình Lý luận và Pháp luật về PCTN*, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
21. Nguyễn Ngọc Hòa, Lê Thị Sơn (2006), *Từ điển pháp luật Hình sự*, Nxb Tư pháp (trang 144,145)
22. Nguyễn Đình Đăng Lục (2006), *Những việc cần làm đồng bộ trong đấu tranh PCTN*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 15, tháng 9/2006.
23. Nguyễn Thị Kim Nhung (2014), *PCTN từ phương diện giáo dục pháp luật đối với cán bộ, công chức bộ máy hành chính nhà nước*, Luận văn Thạc sỹ Luật học, Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội.
24. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam (2015), *Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Luật PCTN*, Quảng Nam.
25. Quốc Hội (2005), Luật số 55/2005/QH11 ngày 29/11/2005, Luật PCTN.
26. Quốc Hội (2005), Bộ Luật Dân sự.

27. Tỉnh ủy Quảng Nam (2016), *Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (Khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí*, Tam Kỳ.
28. Thanh tra Chính Phủ (2008), *Một số vấn đề về tham nhũng và những nội dung chủ yếu của Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành*, Nxb Chính trị quốc gia.
29. Thanh tra Chính Phủ (2010), *Tài liệu tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn thực hiện một số quy định pháp luật về PCTN*, Hà Nội.
30. Thanh tra Chính Phủ (2014), *Thông tư số 04/2014/TT-TTCP ngày 18/9/2014 quy định về nhận định tình hình tham nhũng và đánh giá công tác PCTN*, Hà Nội.
31. Trần Văn Hên (2008), *Các phương pháp quản lý hành chính nhà nước – Lý luận và thực tiễn*, Luận văn tốt nghiệp sinh viên Luật, Khoa Luật – Trường Đại học Cần Thơ.
32. Trương Giang Long (2013), *Bàn về giải pháp PCTN ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia – sự thật, Hà Nội.
33. Trường ĐH Luật Hà Nội (2010), *Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia TP.HCM.
34. Viện Khoa học Thanh tra – Thanh tra Chính Phủ (2008), *Một số vấn đề về tham nhũng và những nội dung chủ yếu của Luật PCTN & các văn bản hướng dẫn thi hành*, Nxb Chính trị quốc gia.
35. Viện Kiểm sát nhân dân TP.HCM (2010), *“Đánh giá thực trạng tình hình và những giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phát hiện, xử lý tội phạm tham nhũng tại TP.HCM”*, TP.HCM.

WEBSITE

36. www.truongchinhtriyenbai.gov.vn, cập nhật vào lúc 13h30, ngày 15/11/2016.
37. www.thanhtra.gov.vn/ct/news/Lists/TinNongMoi/View_Detail.aspx?ItemID=383, cập nhật vào lúc 14h, ngày 01/11/2016.

38. www.towardstransparency.vn/vi/phap-luat-tao-moi-truong-thuan-loi-cho-xa-hoi-tham-gia-phong-chong-tham-nhung, cập nhật vào lúc 14h10, ngày 01/11/2016.
39. www.towardstransparency.vn/vi/chi-so-cam-nhan-tham-nhung, cập nhật vào lúc 14h15, ngày 01/11/2016.
40. www.sav.gov.vn/1831-1-ndt/uy-ban-tu-phap-quoc-hoi-to-chuc-hoi-thao-hoan-thien-phap-luat-ve-phong-chong-tham-nhung.sav, cập nhật vào lúc 15h00, ngày 01/11/2016.
41. www.duthaoonline.quochoi.vn/DuThao/Lists/TT_TINLAPPHAP/View_Detail.aspx?ItemID=874, cập nhật vào lúc 15h15, ngày 02/11/2016.
42. www.phapluatphattrien.vn/mot-so-van-de-ve-thu-hoi-tai-san-trong-cac-vu-an-tham-nhung-qua-cong-tac-xet-xu-cua-toa-an_n58414_g737.aspx, cập nhật vào lúc 9h30, ngày 25/11/2016.
43. ww.nld.com.vn/thoi-su-trong-nuoc/6-giai-phap-trong-tam-phong-chong-tham-nhung--lang-phi-20120615104419788.htm, cập nhật vào lúc 10h00, ngày 25/11/2016.
44. www.vanhoanghean.com.vn/van-hoa-va-doi-song27/cuoc-song-quanh-ta46/nhan-dien-%E2%80%9Cvan-hoa-tham-nhung%E2%80%9D, cập nhật vào lúc 14h10, ngày 19/11/2016.
45. www.laodong.com.vn/the-gioi/minh-bach-quoc-te-viet-nam-xep-thu-112168-ve-chi-so-tham-nhung-512353.bld, cập nhật vào lúc 8h00, ngày 03/11/2016.
46. www.tapchiconsan.org.vn/Home/Tieu-diem/2016/38670/Ket-luan-cua-Tong-Bi-thu-Nguyen-Phu-Trong-ve-phong-chong.aspx, cập nhật vào lúc 16h00, ngày 17/11/2016.
47. www.congly.vn/thoi-su/chu-nhiem-uy-ban-tu-phap-chinh-phu-can-danh-gia-dung-tinh-hinh-tham-nhung-hien-nay-175354.html, cập nhật vào lúc 20h00, ngày 10/11/2016.
48. www1.worldbank.org/publicsector/anticorrupt/corruptn/cor02.htm, cập

nhật vào lúc 20h00, ngày 01/11/2016.

49. www.vietnamnet.vn/vn/chinh-tri/99258/tong-bi-thu-nhieu-nguoi-khong-chiu-nhan-khuyet-diem.html, cập nhật vào lúc 11h00, ngày 3/11/2016.
50. www.visithalongvietnam.com/in-depth/files/2010/03/official-related-to-pci-corruption-case-arrested.html, cập nhật vào lúc 14h15, ngày 01/11/2016, cập nhật vào lúc 14h15, ngày 05/11/2016.
51. <http://www.transparency.org/cpi2015#results-table>, cập nhật vào lúc 20h30, ngày 01/11/2016.
52. <http://www.thanhtra.edu.vn/category/detail/236-cuong-che-hanh-chinh-trong-quan-ly-hanh-chinh-nha-nuoc.html>, cập nhật vào lúc 16h00, ngày 01/12/2016.
53. www.transparency.org/what-is-corruption#define, cập nhật vào lúc 15h00, ngày 03/11/2016.
54. www.quangnam.gov.vn/cmspages/chuyenmuc/chuyenmuc_view.aspx?IDChuyenMuc=158, cập nhật vào lúc 20h ngày 10/11/2016.
55. www.visithalongvietnam.com/in-depth/files/2010/03/official-related-to-pci-corruption-case-arrested.html, cập nhật vào lúc 20h30 ngày 10/11/2016
56. http://www.thanhtra.gov.vn/ct/news/Lists/ThongTinBaoCaoThongKe/View_Detail.aspx?ItemID=19, cập nhật lúc 20h35 ngày 10/11/2016
57. http://thanhtra.gov.vn/ct137/Lists/LTaiLieu/View_Detail.aspx?CatID=-1&ItemId=41&LVID=&CapChaId=1, cập nhật lúc 21h00 ngày 10/11/2016